

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HỮU HÙNG

----- QR 80 -----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ “SẢN XUẤT BAO BÌ CARTON VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI”

Địa điểm cơ sở: Phía Bắc Quốc lộ 5, xã Thượng vũ, huyện Kim Thành,
tỉnh Hải Dương.

Hải Dương, năm 2024

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HỮU HÙNG

----- QR 80 -----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ “SẢN XUẤT BAO BÌ CARTON VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI”

Địa điểm cơ sở: Phía Bắc Quốc lộ 5, xã Thượng vũ, huyện Kim Thành,
tỉnh Hải Dương.

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY
T.N.H.H
SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI
HỮU HÙNG
H. KIM THÀNH - T. HẢI DƯƠNG
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HỮU HÙNG

Hải Dương, năm 2024

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương I	2
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	2
1. Tên chủ cơ sở	2
2. Tên cơ sở	2
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	3
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	3
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	3
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	7
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	8
Chương II	12
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH,	12
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	12
1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	12
2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường	12
Chương III	14
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	14
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	14
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	14
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	14
1.2. Thu gom, thoát nước thải	14
1.3. Xử lý nước thải	16
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	23
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	25
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	27
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	28
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	29
Chương IV	35
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	35
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	35
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	36
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn:	36

4. Quản lý chất thải	37
Chương V	38
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	38
Chương VI.....	40
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	40
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	40
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	40
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:	40
1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch	40
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	41
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	41
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	41
Chương VII	42
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	42
Chương VIII.....	43
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN.....	43

DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ

Bảng 1.1. Tọa độ các điểm khếp góc của nhà máy	2
Bảng 1.2 Các sản phẩm của cơ sở	6
Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên vật liệu sử dụng	7
Bảng 1.4. Nhu cầu điện, nước và nhiên liệu	7
Bảng 1.5. Nhu cầu về hóa chất cho hệ thống xử lý nước thải	8
Bảng 1.6. Danh mục các hạng mục công trình	8
Bảng 1.7. Khối lượng thống kê hệ thống cấp nước	10
Bảng 1.8. Số lượng cán bộ công nhân viên	11
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải	21
Bảng 3.2. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ xử lý nước thải	21
Bảng 3.3 Kết quả quan trắc mẫu nước thải sau xử lý	22
Bảng 3.4 Kết quả quan trắc mẫu khí thải lò hơi sau xử lý	24
Bảng 3.5. Lượng chất thải rắn thông thường phát sinh hiện tại	26
Bảng 3.6. Khối lượng CTNH CTR nguy hại phát sinh hiện tại	27
Bảng 3.7. Các sự cố hệ thống nước thải và nguyên nhân khắc phục	30
Bảng 3.8. Tổng hợp các sự cố thường gặp và cách khắc phục khi vận hành hệ thống xử lý khí thải nồi hơi	31
Bảng 4.1. Tổng hợp các thông số trong nước thải đề nghị cấp phép	35
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc khí thải lò hơi sau xử lý	38
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý	39
Sơ đồ 1.1. Quy trình sản xuất bao bì carton	3
Sơ đồ 1.2. Quy trình sản xuất ống lõi giấy, thanh nẹp	4
Sơ đồ 3.1 Quy trình thu thoát nước mưa của cơ sở	14
Sơ đồ 3.2. Quy trình thu gom nước thải sinh hoạt của nhà máy	15
Sơ đồ 3.3. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt	18
Sơ đồ 3.4. Quy trình thu gom mùi khu vực nhà bếp	25
Hình 1.1. Hình ảnh các sản phẩm bao bì carton	6
Hình 3.1. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	17
Hình 3.2. Lò hơi và hệ thống bể xử lý khí thải lò hơi	25
Hình 3.3. Kho chứa rác thải nguy hại của công ty	28

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BXD	: Bộ xây dựng
BTNMT	: Bộ tài nguyên môi trường
BVMT	: Bảo vệ môi trường
BYT	: Bộ Y tế
CP	: Chính phủ
CTR	: Chất thải rắn
NĐ	: Nghị định
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QLMT	: Quản lý môi trường
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	: Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TCXD	: Tiêu chuẩn xây dựng
TT	: Thông tư
UBND	: Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0800161870 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15 tháng 03 năm 2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh, sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp (Công ty được chuyển đổi và đổi tên từ Doanh nghiệp tư nhân vận tải Hữu Hùng).

Năm 2008, Doanh nghiệp tư nhân vận tải Hữu Hùng thực hiện dự án cơ sở dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ và sản xuất sản phẩm cơ khí tại xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Trước khi đưa dự án vào hoạt động Doanh nghiệp tư nhân vận tải Hữu Hùng đã thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường và được UBND huyện Kim Thành cấp giấy phép số 08/GXN- UBND ngày 14/8/20209.

Năm 2017, Công ty được UBND tỉnh Hải Dương cấp Quyết chủ trương đầu tư số định số 2553/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 cho dự án Cơ sở sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng với quy mô:

- + Sản xuất bao bì carton 3.500 tấn/năm;
- + Dịch vụ vận tải hàng hóa 2.400 tấn/năm;
- + Cho thuê văn phòng và kho chứa hàng, tổng diện tích cho thuê 271m² (thực hiện trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày Quyết định chủ trương đầu tư).

Tuy nhiên do thị trường đầu ra bị thu hẹp, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất (có thời điểm không có đơn hàng), trong khi đó Công ty TNHH HQ Paper (có địa chỉ tại lô 6, KCN Tân Hồng - Hoàng Sơn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh là đơn vị chuyên cung cấp các loại vỏ hộp carton cho tập đoàn Samsung, đang có nhu cầu thuê kho chứa hàng và thuê hoạt động sản xuất bìa carton. Trên cơ sở đó, để đảm bảo duy trì hoạt động, Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng tiến hành điều chỉnh dự án đầu tư và đã được UBND tỉnh Hải Dương cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 1460/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 cho Dự án Cơ sở sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng (điều chỉnh lần thứ nhất) với quy mô:

- + Sản xuất bao bì carton 2.000 tấn/năm;
- + Dịch vụ vận tải hàng hóa 2.400 tấn/năm; cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho chứa hàng, tổng diện tích cho thuê 1.471m².
- + Tổng vốn đầu tư: 20.460.770.000 VNĐ

Cơ sở sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng thuộc dự án đầu tư nhóm III theo mục số II.2, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Căn cứ vào khoản 4, điều 41, Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc đối tượng phải lập hồ sơ xin cấp phép môi trường trình UBND huyện Kim Thành phê duyệt theo hướng dẫn tại phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Chương I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Thượng Đổ, xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Giám đốc Công ty

- Điện thoại: 02202.244.074

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0800161870 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15/3/2019.

- Quyết định chủ trương đầu tư số: Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 chủ trương đầu tư dự án Cơ sở sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng (điều chỉnh lần thứ nhất).

2. Tên cơ sở

Cơ sở sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải

- Địa điểm cơ sở: Phía Bắc Quốc lộ 5, xã Thượng vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Vị trí cơ sở có tọa độ các điểm góc khép kín của dự án (Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰):

Bảng 1.1. Tọa độ các điểm khép góc của nhà máy

Điểm góc	X(m)	Y(m)
1	2320985	596312
2	2320930	596327
3	2320931	596261
4	2320976	596131
5	2321004	596137

- Ranh giới tiếp giáp của khu đất như sau:

- Phía Bắc giáp ruộng canh tác.

- Phía Nam giáp Doanh nghiệp tư nhân Tân phú.

- Phía Đông giáp đường giao thông (đường kết nối từ QL5A vào thôn Đổ Thượng, xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành).

- Phía Tây giáp Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi XINAN.

- Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 08/GXN- UBND ngày 14/8/2009 do Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành cấp.

- Quy mô của dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật đầu tư công): Dự án có tổng số vốn 20.460.770.000 tỷ, thuộc dự án nhóm C Theo khoản 4, điều 10 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

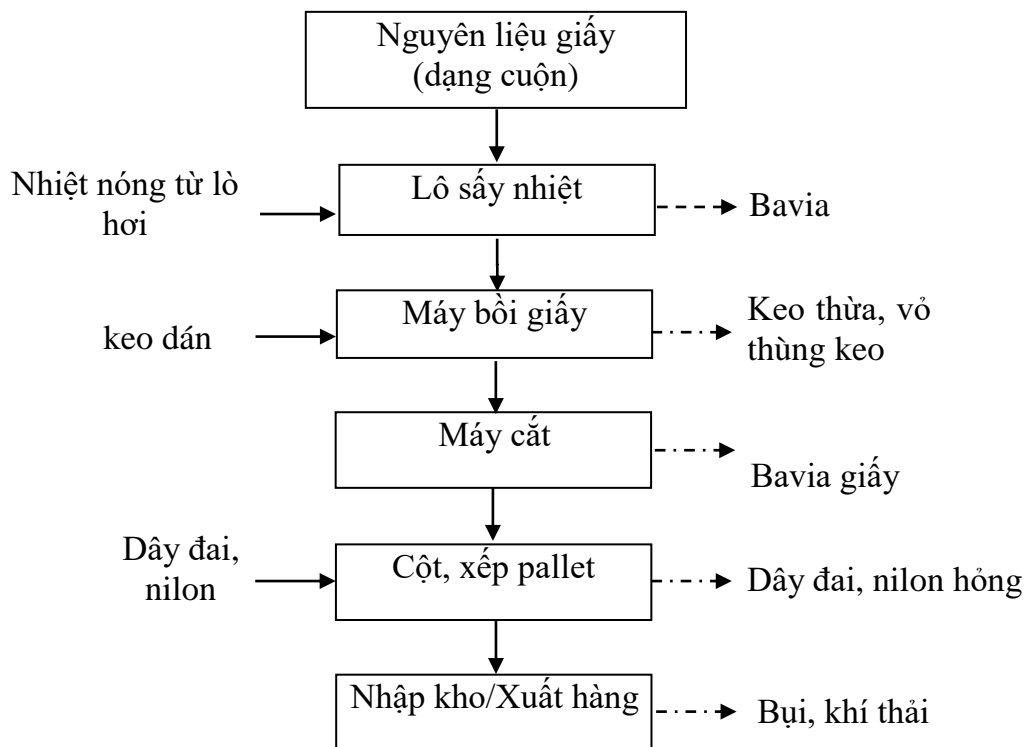
- Sản xuất bao bì carton 2.000 tấn/năm
- Dịch vụ vận tải hàng hóa 2.400 tấn/năm
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho với tổng diện tích sàn cho thuê là 1.471m².

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

a. Quy trình sản xuất các sản phẩm carton

Hiện tại Quy trình sản xuất các sản phẩm carton của Công ty không có công đoạn in, cán màng nilon, dập ghim. Các sản phẩm carton bao gồm: tấm bìa carton, ống giấy, thanh nẹp chữ V.

* Quy trình sản xuất tấm bìa carton



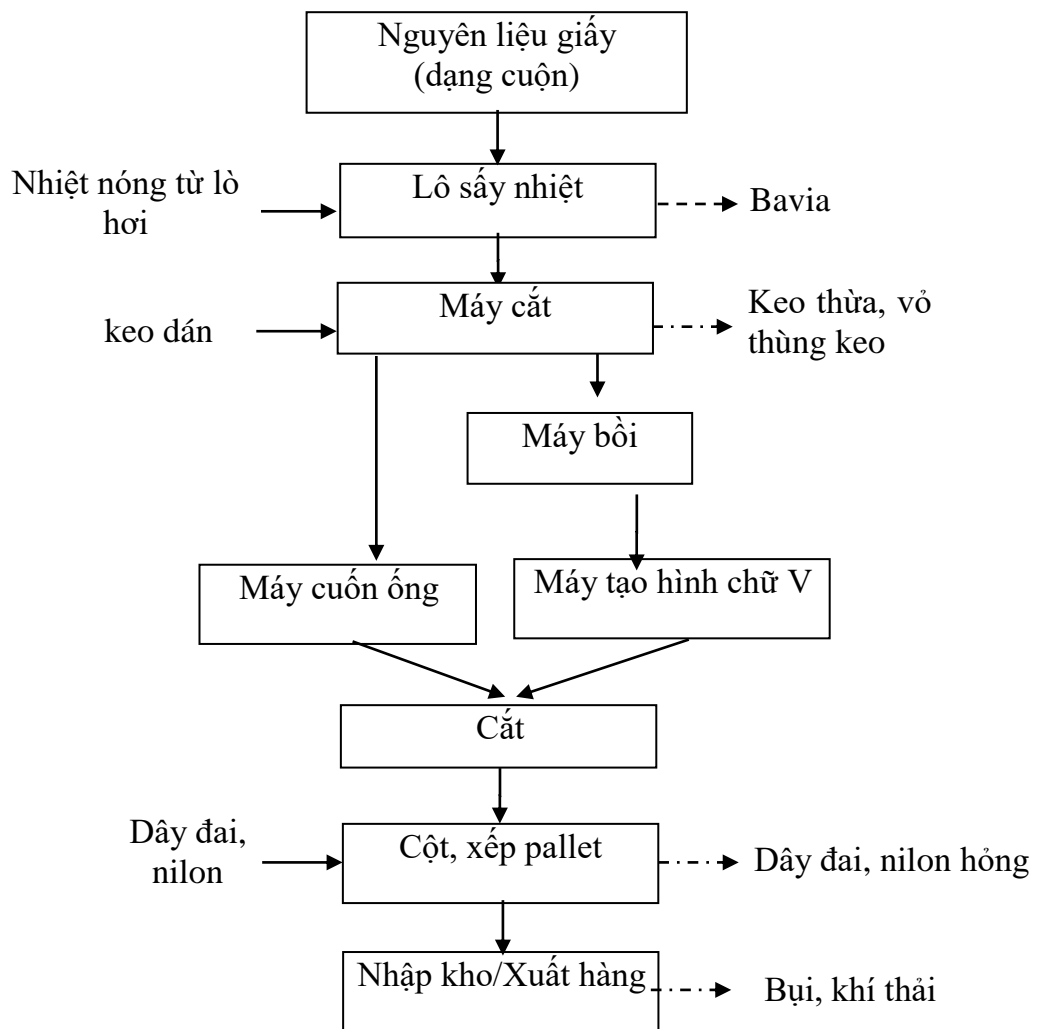
Sơ đồ 1.1. Quy trình sản xuất bao bì carton

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu giấy các loại ở dạng cuộn (Bristol, Giấy Couche, Giấy Duplex và Giấy Crystal, Kraf) được nhập về kho của cơ sở sau đó chuyển xuống bộ phận sản xuất theo yêu cầu đơn hàng.

Các cuộn giấy được lắp vào giá nâng cuộn. Hệ thống máy tự động cuộn giấy chạy trên bề mặt các quả lô để sấy gián tiếp (hơi nước nóng của lò hơi) nhằm giảm độ ẩm và lực căng của giấy. Giấy sau khi sấy được đưa vào máy bồi giấy, thông thường giấy làm bao bì trên thị trường định lượng dày nhất phổ biến chỉ dưới 500g/m² vì vậy để làm những sản phẩm bao bì dày hơn 500g/m² phải sử dụng máy bồi giấy để bồi các lớp giấy lại với nhau. Máy bồi giấy tự động bồi keo, ghép và ép các lớp giấy thành bìa carton. Sau khi tạo thành các tấm bìa carton đảm bảo về kích thước, độ dày theo yêu cầu được chuyển sang máy cán khổ và cắt tấm theo yêu cầu của đơn hàng. Sau khi cắt sản phẩm bìa tấm carton được đóng gói và nhập kho thành phẩm.

*** Quy trình sản xuất ống lõi giấy, thanh nẹp giấy chữ V**



Sơ đồ 1.2. Quy trình sản xuất ống lõi giấy, thanh nẹp

Nguyên liệu đưa vào sản xuất là giấy các loại ở dạng cuộn, keo, hồ dán. Giấy sau khi qua giàn lô sấy nhằm giảm độ ẩm và lực căng của giấy, được máy cắt theo kích thước yêu cầu của từng đơn hàng về chiều dài và đường kính ống giấy, thanh nẹp.

+ Đối với ống lõi giấy: Sau công đoạn cắt, giấy được đưa vào máy cuộn ống lõi để sản xuất ống lõi giấy, tại đây máy tự động cuộn các lớp giấy với nhau và được liên kết bởi keo dán cấp đồng thời trong quá trình cuộn. Sau khi cuộn, ống lõi giấy được cắt theo kích thước chiều dài của đơn hàng và tiến hành chuyển sang công đoạn đóng gói.

+ Đối với thanh nẹp chữ V: Sau công đoạn cắt, giấy được đưa vào máy bồi để bồi các lớp giấy lại tạo độ dày thanh nẹp theo yêu cầu đơn hàng. Giấy sau bồi tiếp tục đưa vào máy tạo hình chữ V, tại đây máy thực hiện công đoạn ép tạo hình để tạo ra sản phẩm thanh nẹp. Sản phẩm sau đó được cắt theo kích thước yêu cầu trước khi đưa sang công đoạn đóng gói.

b. Hoạt động dịch vụ vận tải hàng hóa

Công ty hiện có 02 xe tải 8 tấn/xe và 01 xe tải 5 tấn/xe chỉ phục vụ vận chuyển hàng hóa và nguyên liệu sản xuất bao bì carton sản xuất tại cơ sở. Hoạt động vận tải dịch vụ hàng hóa cho các đơn vị ngoài công ty chưa có kế hoạch thực hiện.

c. Hoạt động cho thuê nhà xưởng

Tại thời điểm lập báo cáo xin cấp giấy phép môi trường (năm 2024), có 01 đơn vị là Công ty TNHH HQ Pape có địa chỉ trụ sở tại lô 6, KCN Tân Hồng – Hoàn Sơn (thuộc KCN Tiên Sơn mở rộng, P. Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh) thuê xưởng để làm kho chứa sản phẩm giấy.

Vị trí cho thuê là xưởng có diện tích 1.471m².

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng chỉ áp dụng cho các đơn vị vào thuê để sản xuất các sản phẩm nhà nước cho phép, đảm bảo các ngành nghề không bị pháp luật cấm và không thuộc ngành nghề hạn chế thu hút đầu tư theo Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương.

Theo hợp đồng thuê nhà xưởng, trách nhiệm của 2 bên như sau:

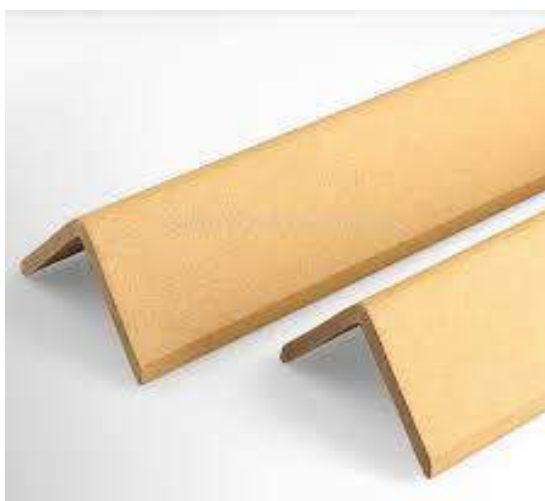
+ Đơn vị thuê nhà xưởng có trách nhiệm tự hoàn thiện các thủ tục pháp lý về môi trường đối với hoạt động sản xuất của đơn vị mình theo quy định. Tự bố trí phương án thu gom và xử lý khí thải, nước thải sản xuất (nếu có phát sinh).

+ Đơn vị cho thuê nhà xưởng là Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng có trách nhiệm: tự hoàn thiện các thủ tục pháp lý về môi trường đối với hoạt động sản xuất cho thuê nhà xưởng; Bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống nhà xưởng; Thực hiện thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở và đơn vị thuê nhà xưởng; thu gom, trang bị các dụng cụ, kho chứa và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý chất thải rắn phát sinh của công ty và đơn vị đang thuê nhà xưởng (Công ty TNHH HQ Pape); thực hiện các thủ tục về PCCC theo quy định, lắp đặt các trang thiết bị PCCC chữa cháy cho các hạng mục công trình đảm bảo đúng quy định.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Bảng 1.2 Các sản phẩm của cơ sở

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng
1	Bao bì carton (tấm bìa carton; ống lõi giấy; thanh nẹp chữ V)	Tấn/năm	2.000
2	Dịch vụ vận tải hàng hóa	Tấn/năm	2.400
3	Cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho chứa hàng	m ²	1.471



Hình 1.1. Hình ảnh các sản phẩm bao bì carton

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

a. Nhu cầu về nguyên liệu phục vụ sản xuất bao bì carton

Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên vật liệu sử dụng

TT	Nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng
2	Giấy cuộn các loại	Tấn/năm	2.200
3	Keo sữa	Tấn/năm	8
4	Tinh bột sắn, mỳ	Tấn/năm	65
5	NaOH	Tấn/năm	4
6	Dây đai, nilong đóng gói	Tấn/năm	4

*** Tính chất của một số nguyên liệu đầu vào:**

- Nguyên liệu giấy: Các loại giấy sử dụng sản xuất của cơ sở gồm Giấy Bristol, Giấy Couche, Giấy Duplex và Giấy Crystal được nhập về ở dạng cuộn.

- Keo sữa là loại keo PVA với thành phần chính là Vinyl Axetat (Poly) một hợp chất polymer hữu cơ. Loại keo này có màu trắng đục như sữa, có mùi hơi chua. Keo sữa có khả năng kết dính cao hơn và không bị nhớt.

- Tinh bột sắn, mỳ: là nguyên liệu để sử dụng pha hồ, tinh bột sắn là loại phổ biến nhất trên thị trường dùng sản xuất bao bì. Vì sắn thích hợp trồng với môi trường, khí hậu ở Việt Nam rất dễ phát triển.

- NaOH: sử dụng để pha hồ, xút giúp chuyển hóa tính chất của tinh bột ở dạng khô, kết hợp với nước trở thành một loại dung dịch có độ bám dính, gia tăng cường tính của bột.

b. Nhu cầu về nhiên liệu, điện, nước

Nguồn điện cấp cho cơ sở lấy từ nguồn điện hiện đang cung cấp cho khu vực xã Thượng Vũ do Công ty TNHH MTV điện lực Hải Dương cung cấp. Nguồn điện qua trạm biến áp công suất 560 KVA của Công ty được dẫn đến xưởng sản xuất đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở và đơn vị thuê nhà xưởng. Đơn vị thuê nhà xưởng có 01 đồng hồ đo điện riêng để trả phí theo nhu cầu sử dụng.

Nguồn cung cấp nước: Nước cấp cho công ty từ mạng lưới cấp nước sạch khu vực xã Thượng Vũ do Hợp tác xã dịch vụ nước sạch sinh hoạt Cổ Dũng cung cấp. Nước sạch sau khi qua đồng hồ đo đầu vào được cấp vào bể chứa và các tex cấp cho sản xuất (cấp nước cho lò hơi) và cấp cho sinh hoạt của công nhân.

Nhu cầu sử dụng nước như sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu điện, nước và nhiên liệu

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Nhu cầu về điện	Kwh/tháng	12.500	Cấp chiếu sáng và sản xuất

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở: Sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
2	Nhu cầu về nước cho sinh hoạt	m ³ /tháng	65	Cấp nước cho sinh hoạt cho công nhân của công ty và đơn vị thuê nhà xưởng.
3	Nhu cầu cấp phục vụ sản xuất	m ³ /tháng	15	Cấp bù lò hơi và cấp xử lý khí thải lò hơi phục vụ sản xuất bao bì carton
4	Nước dự trữ cho PCCC	m ³	950	Bể có thể tích 50m ³ và hồ dung tích 900m ³

c. Nhu cầu về hóa chất sử dụng

Bảng 1.5. Nhu cầu về hóa chất cho hệ thống xử lý nước thải

TT	Tên hóa chất	Đơn vị	Số lượng	Mục đích sử dụng
1	Clo dạng viên	Lit/năm	2,2	Khử trùng nước thải sau xử lý
2	Mật ri đường	Kg/lần	5	Cho nuôi cấy khởi tại trong 20 ngày đầu
3	Men vi sinh (EMIC)	Kg/năm	12	Bể sinh học hiếu khí

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

a. Các hạng mục công trình của Cơ sở

Năm 2021, cơ sở được UBND huyện Kim Thành cấp Quyết định số 2450/QĐ – UBND ngày 25/5/2011 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Cơ sở sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải doanh nghiệp xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở là 8.035m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CL 048293 do UBND tỉnh Hải Dương cấp cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng ngày 23/01/2018.

Các hạng mục công trình chính, phụ trợ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện trạng như sau:

Bảng 1.6. Danh mục các hạng mục công trình

TT	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Công năng/hiện trạng
I	Công trình chính			
1	Nhà điều hành	117,5	404,3	Nhà điều hành/ văn phòng Hoạt động bình thường

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở: Sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải

3	Nhà xưởng sản xuất	2.304	2.304	Hoạt động bình thường
4	Nhà kho nguyên liệu	960	960	Hoạt động bình thường
5	Nhà xưởng cho thuê (kho thành phẩm)	1.471	1.471	Trước là nhà nghỉ ca công nhân. Đã xây dựng hoàn thiện
II	Các hạng mục công trình phụ trợ			
1	Nhà bảo vệ	18	18	Hoạt động bình thường
2	Nhà ăn ca	96	96	Hoạt động bình thường
3	Nhà cơ khí	180	180	Phục vụ sửa chữa máy, thiết bị sản xuất Hoạt động bình thường
III	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật			
1	Hệ thống giao thông	-	-	Đã hoàn thiện
2	Hệ thống thoát nước	-	-	Đã hoàn thiện
3	Hệ thống cấp nước	-	-	Đã hoàn thiện
4	Hệ thống cấp điện	-	-	Đã hoàn thiện
5	Hệ thống PCCC	-	-	Đã hoàn thiện
6	Hệ thống chống sét	-	-	Đã hoàn thiện
7	Hệ thống thông tin liên lạc	-	-	Đã hoàn thiện
8	Diện tích cây xanh	-	-	Đã hoàn thiện
1	Khu vệ sinh chung	20	20	Sử dụng chung
2	Khu vực xử lý nước thải sinh hoạt (xây ngầm)	15	15	Đã hoàn thiện
3	Kho chứa chất thải rắn thông thường	75	75	Đã hoàn thiện
4	Kho chứa chất thải rắn nguy hại	10	10	Đã hoàn thiện
Tổng		4.402,5		

*** Kết cấu các hạng mục công trình chính**

*** Xưởng sản xuất:** xây dựng 01 tầng. Kết cấu bằng thép tiền chế, khung Zamin chịu lực, cao 9 m, nền bê tông, tường xây gạch cao 2,5 m, trên bao thung tôn, mái lợp tôn. Mái lợp tôn mạ màu có lớp bông thủy tinh cách nhiệt. Hệ thống cửa đi được bố trí hai bên sườn và hai đầu hồi nhà xưởng, toàn bộ cửa đi của nhà xưởng là cửa đẩy sang hai bên. Cửa sổ được bố trí chủ yếu ở hai bên sườn và tại hai đầu hồi nhà xưởng, toàn bộ là cửa nhôm kính.

*** Xưởng cho thuê:** xây dựng 01 tầng. Kết cấu bằng thép tiền chế, khung Zamin chịu lực, cao 7,5m, nền bê tông, tường xây gạch cao 2,5 m, trên bao thung tôn, mái lợp

tôn. Mái lợp tôn mạ màu có lớp bông thủy tinh cách nhiệt. Hệ thống cửa đi được bố trí bên sườn và đầu hồi phía trước nhà xưởng.

* **Kho nguyên liệu:** Xây dựng 01 tầng. Kết cấu bằng thép tiền chế, khung Zamin chịu lực, cao 5 m, nền bê tông, tường xây gạch cao 2,5 m, trên bao thung tôn, mái lợp tôn. Hệ thống cửa đi được bố trí bên sườn phía Nam.

- **Nhà điều hành:** xây dựng 03 tầng, bố trí đủ diện tích làm việc cho các bộ phận phòng ban văn phòng. Kết cấu móng, khung, mái BTCT đổ tại chỗ. Tường bao che xây gạch chỉ. Tường ngăn xây gạch rỗng. Mái lợp tôn mạ màu chống nóng, chống dột và tạo dáng công trình. Nền lát gạch ceramic, tường và trần sơn.

- **Các hạng mục công trình phụ trợ khác như:** Cổng, tường rào, hồ chứa, khu để xe... kết cấu đơn giản, tiện lợi khai thác sử dụng.

*** Hệ thống cấp điện**

Nguồn điện cấp cho dự án lấy từ nguồn điện hiện có của chi nhánh điện huyện Kim Thành qua trạm biến áp của Công ty đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Hệ thống dẫn điện từ trạm biến áp đến nhà xưởng và các công trình phụ dùng cáp điện đường kính 20 mm. Hệ thống dẫn điện trong nhà xưởng và các công trình phụ dùng loại dây dẫn đơn đường kính dây từ 2,4 - 5,0 mm. Hệ thống dây dẫn được chạy luôn trong ống gen nhựa chống cháy.

Các thiết bị điện như cầu giao, ổ cắm, công tắc, rơle, cầu chì... được mua từ các hãng liên doanh để đảm bảo việc cung cấp điện cho sản xuất.

Nhà xưởng được đầu tư hệ thống đèn chiếu sáng đủ để đảm bảo điều kiện làm việc cho công nhân.

Ngoài ra, để cung cấp nguồn điện cho các phụ tải trong trường hợp có sự cố lưới điện, Công ty trang bị 01 máy phát điện dự phòng công suất 560 KVA.

*** Hệ thống cấp nước**

Nước máy cấp cho hoạt động của công ty và đơn vị thuê nhà xưởng lấy từ đường ống cấp nước sạch của xã Thượng Vũ. Nước theo hệ thống đường ống chính D42 được chôn ngầm dưới đất, sau đó dẫn ra các ống nhánh D21 cấp đến khu vệ sinh và các vị trí cần sử dụng nước sạch.

Bảng 1.7. Khối lượng thống kê hệ thống cấp nước

TT	Tên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống nhựa HDPE D42	m	50
2	Ống nhựa HDPE D21	m	175
3	Máy bơm nước + cứu hỏa	Cái	02
4	Đồng hồ đo nước	Cái	02

b. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư là: 20.460.770.000 VNĐ (Hai mươi tỷ, bốn trăm sáu mươi triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). Nguồn vốn để thực hiện dự án là nguồn vốn tự có của Công ty và vốn vay của các tổ chức tín dụng khác.

c. Nhu cầu về lao động

Bảng 1.8. Số lượng cán bộ công nhân viên

TT	Đơn vị	Số lượng (người)
1	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng	28
2	Đơn vị thuê nhà xưởng (công ty TNHH QH paper)	02
Tổng		30

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Căn cứ theo Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 15/11/2011 của UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt Quy hoạch vùng tỉnh Hải Dương đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030, khu vực nhà máy không nằm trong các vùng ô nhiễm không khí, nước và không nằm trong vùng bảo vệ môi trường sinh thái – phù hợp để đầu tư.

Cơ sở sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải được thực hiện trên diện tích dự án Cơ sở dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống nhà nghỉ và sản xuất sản phẩm cơ khí của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng thuộc địa bàn xã Thượng Vũ do đó không làm thay đổi về quy mô diện tích và mục đích sử dụng đất (đất xây dựng cơ sở sản xuất phi nông nghiệp) đã được UBND tỉnh Hải Dương cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 048293 ngày 23/1/2018 tại xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành do đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 20230 đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt theo Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kim Thành.

Phù hợp với Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Loại hình sản xuất của dự án phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh Hải Dương, cụ thể như sau:

Hoạt động sản xuất của Công ty và đơn vị thuê nhà xưởng không nằm trong danh mục ngành nghề hạn chế thu hút đầu tư theo Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương.

+ Phù hợp với Quyết định số 3130/QĐ-UBND ngày 28 tháng 08 năm 2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Hải Dương đến năm 2015, định hướng đến năm 2030.

2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường

*** Khả năng tiếp nhận của môi trường đối với khí thải**

Theo báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương năm 2022, 2023 thì nhìn chung chất lượng môi trường không khí các khu vực dân cư trên địa bàn huyện Kim Thành tại các khu vực chịu tác động bởi hoạt động sản xuất công nghiệp đều chưa có dấu hiệu ô nhiễm bởi các khí như CO, SO₂, NO_x và bụi TSP. Công ty TNHH sản xuất và Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng

thương mại Hữu Hùng có 01 nguồn thải khí là khí thải lò hơi, lò hơi của công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi do vậy nồng độ các khí thải phát sinh tác động tới môi trường sẽ thấp hơn so với nhiên liệu than và dầu, bên cạnh đó công ty đã áp dụng biện pháp xử lý bằng phương pháp hấp phụ bụi và khí thải sử dụng nước. Căn cứ kết quả quan trắc ngày 08/11/2024 cho thấy chất lượng không khí sau khi xử lý có các thông số bụi tổng, CO, SO₂, NO_x đều đạt mức B của QCVN19:2009/BTNMT do vậy cho thấy nguồn khí thải của công ty hiện không gây ô nhiễm môi trường không khí khu vực.

*** Khả năng tiếp nhận nước mưa, nước thải của khu vực**

Nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án sau khi được xử lý tự chảy ra hệ thống thoát tiêu nước của khu vực do địa phương quản lý sau đó chảy vào sông Nguyễn Văn Bé. Theo báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương năm 2023 thì chất lượng nước sông Nguyễn Văn Bé tại cống Phạm Xá cách cửa thoát nước ra sông Rạng 100m, thôn Phạm Xá 1, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành tại một số đợt quan trắc có các chỉ tiêu như COD, BOD₅, tổng nitơ vượt QCCP và chỉ tiêu DO không đạt QCCP. Nguyên nhân gây ô nhiễm do sông tiếp nhận các nguồn nước thải sinh hoạt của các khu dân cư chưa qua xử lý, nước thải từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và nước thải của các đơn vị sản xuất... Hiện tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10m³/ngày đêm xử lý bằng biện pháp sinh học, kết quả quan trắc nước sau xử lý cho thấy các thông số phân tích đều đạt mức B của QCVN14:2008/BTNMT như vậy đáp ứng yêu cầu trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

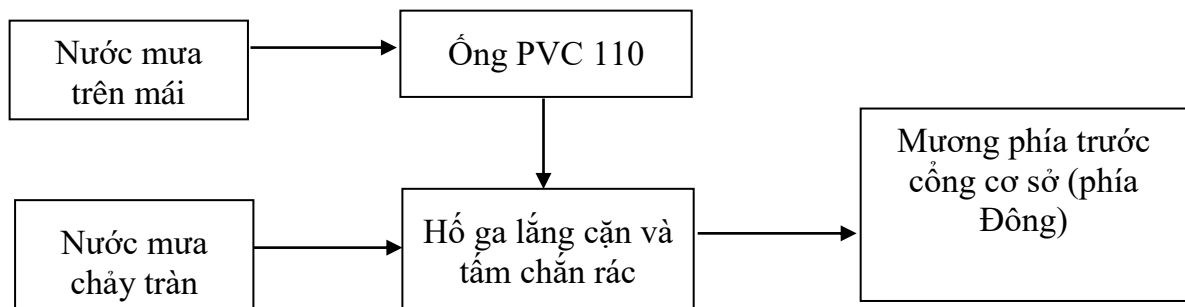
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải của cơ sở phân lập tách riêng.

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Công ty sử dụng hệ thống thu gom, thoát nước mưa bao gồm hệ thống thoát nước mưa trên mái và thoát nước bề mặt.

Hệ thống thu gom nước mưa thực hiện theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 3.1 Quy trình thu thoát nước mưa của cơ sở

+ **Hệ thống thoát nước mưa trên mái công trình:** Nước mưa theo các ống dẫn PVC từ trên mái các công trình chảy xuống hệ thống cống thoát nước mặt ở phía dưới. Các ống dẫn PVC có đường kính D110.

+ **Hệ thống thoát nước mặt:** Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng đường rãnh thoát xây gạch và ống bê tông cốt thép. Tổng chiều dài hệ thống đường ống thoát nước mưa $L = 456\text{m}$ (đối với rãnh thu kích thước 330×500 dài 340m ; rãnh thu kích thước 210×280 , dài 91m ; ống bê tông cốt thép D400 dài 25m); độ dốc thiết kế là $0,2\%$, qua song chắn rác và đi vào các hố ga kích thước $1,2\text{m} \times 1,2\text{m} \times 1,2\text{m}$ để lắng cặn, đất cát, tổng lượng hố ga là 07 hố.

Phương án thoát nước mưa là tự chảy và thoát ra mương tiếp nhận tại 01 cửa xả. Tần suất nạo vét, khơi thông cống rãnh 6 tháng/lần bằng phương pháp thủ công.

Tọa độ đầu nối xả nước mặt (Tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3⁰: X(m): 02320973; Y(m): 0596316. Điểm xả nằm ở phía đông cơ sở, mương trước cổng công ty.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Công ty TNHH thương mại và sản xuất Hữu Hùng sử dụng nước sạch (nước máy) cấp cho hoạt động sinh hoạt của công nhân (vệ sinh, nấu ăn); cấp cho hoạt động của lò hơi, xử lý khí thải lò hơi.

Đơn vị thuê nhà xưởng (hiện là công ty TNHH HQ Parper) chỉ sử dụng nước sạch cho hoạt động sinh hoạt của công nhân.

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh:

Căn cứ hóa đơn sử dụng nước, lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của công ty là $65\text{m}^3/\text{tháng}$, tương đương $2,5\text{m}^3/\text{ngày}$, tính cả hệ số không điều hòa ($K=1,2$) thì tổng lượng nước thải sinh hoạt cần xử lý là $3\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Đối với nước từ lò hơi:

Công ty sử dụng hơi nóng lò hơi cấp nhiệt gián tiếp để giảm độ ẩm của nguyên liệu giấy nhằm ổn định cấu trúc của giấy trước khi thực hiện sản xuất. Hơi nhiệt nóng từ lò hơi được cấp vào các quả lô của dây chuyền cuốn giấy; hơi nóng làm nóng bề mặt quả lô, khi giấy chạy trên bề mặt ngoài quả lô sẽ làm khô giấy. Nước sau một thời gian sử dụng ngưng tụ được thu hồi vào bể chứa (xây ngầm) để giải nhiệt và tuần hoàn cấp lại cho lò hơi và không thải ra ngoài.

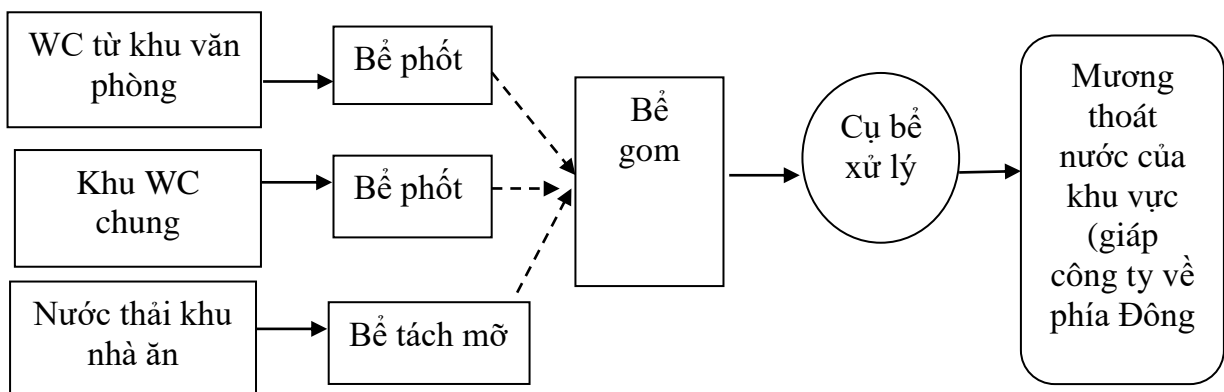
Ngoài việc cấp nước cho lò hơi, nước còn được sử dụng để cấp cho bể xử lý bụi khói lò hơi. Nước sau khi qua các ngăn giải chứa để giải nhiệt và tuần hoàn sử dụng lại không thải ra ngoài.

Trong quá trình sử dụng sẽ có một lượng nước thất thoát do bay hơi vì vậy cần cấp bù một lượng nước trung bình khoảng $0,5\text{m}^3/\text{ngày}$.

b. Biện pháp thu gom, thoát nước thải

*** Đối với nước thải sinh hoạt**

Hiện trạng, công ty có 02 khu vệ sinh: 01 khu vệ sinh chung được bố trí tại khu vực gần hệ thống xử lý nước thải; 01 nhà vệ sinh văn phòng. Nước thải sinh hoạt được thu gom như sau:



Sơ đồ 3.2. Quy trình thu gom nước thải sinh hoạt của nhà máy

- Nước thải từ nhà vệ sinh chung được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó theo đường ống PVC D90, độ dốc 0,3%, dài 5m tự chảy về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $5\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm để xử lý.

- Nước thải từ khu vệ sinh nhà văn phòng được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó theo đường ống PVC D90, độ dốc 0,3%, dài 100m tự chảy về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải từ bếp ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ sau đó theo đường ống PVC D90, độ dốc 0,3%, dài 25 m tự chảy về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải sau hệ thống xử lý theo đường ống HDPE D75 dài 108 m thoát vào mương thu nước chung của khu vực tại 01 điểm xả.

➤ *Điểm xả nước thải*

+ Vị trí đầu nối nước thải với mương tiếp nhận có tọa độ xả nước thải hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰: X(m)= 2320931, Y(m)= 596329.

+ Dòng xả nước thải tách riêng với dòng thoát nước mưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải.

➤ *Nguồn tiếp nhận*

Mương thoát nước của khu vực nằm giáp công ty về phía Đông (phía cổng vào cơ sở). Mương có chiều rộng khoảng 3m, bờ mương phía mương giáp tường bao công ty đã được đổ bê tông, bờ còn lại là bờ đất. Mương chạy dọc theo đường từ quốc lộ 5A vào xã Thượng Vũ, tiếp nhận nước thải từ dân cư, doanh nghiệp của khu vực giáp đường 5A sau đó kết nối vào hệ thống mương thoát nước của xã Thượng Vũ.

*** Đối với nước từ hoạt động lò hơi:**

- Nước lò hơi sau khi làm nóng gián tiếp cho dây chuyền sản xuất được thu gom vào bể chứa thể tích 2,5m³, bể xây ngầm. Nước được bơm tuần hoàn phục vụ cho lò hơi.

- Nước xử lý bụi lò hơi: Công ty xây dựng 01 bể chứa có thể tích 04m³ (3,25m x 1,14m x 1,1m) chia làm 03 ngăn để xử lý và giải nhiệt nước sau đó tuần hoàn cho việc xử lý bụi, khí thải lò hơi.

1.3. Xử lý nước thải

a. Biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải từ các khu vệ sinh trong cơ sở được xử lý theo 02 bước: xử lý sơ bộ bằng bể phốt tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống bể xử lý tập trung để xử lý bằng biện pháp sinh học.

*** Xử lý sơ bộ nước thải từ khu vệ sinh qua bể tự hoại**

Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh văn phòng, nhà vệ sinh chung được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước thải nhà ăn được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ sau đó được dẫn về HTXL nước thải sinh hoạt công suất 5m³/ngày đêm.

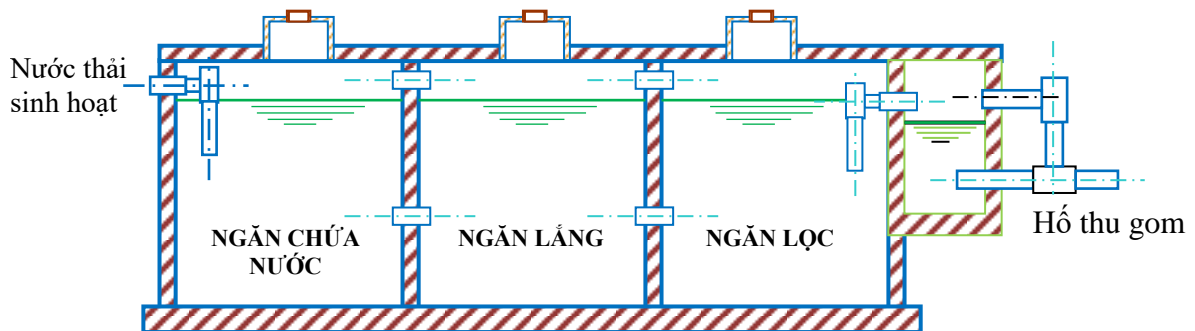
- Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại:

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất bẩn hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, đồng thời, cho phép tách riêng 2 pha (lên men axit và lên men kiềm). Bể tự hoại cải tiến cho phép tăng thời gian lưu bùn, nhờ vậy hiệu suất xử lý tăng trong khi lượng bùn cần xử lý lại giảm. Các ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc, và ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo nước.

- Định kỳ kiểm tra nạo vét hệ thống dẫn nước thải, kiểm tra phát hiện hư hỏng, mất mát để có kế hoạch sửa chữa thay thế kịp thời.

- Định kỳ (06 tháng/lần) bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch công trình.

Cấu tạo bể tự hoại như sau:



Hình 3.1. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

➤ Thông số kỹ thuật 02 bể tự hoại như sau:

Tổng thể tích 02 bể phốt là $9,5\text{m}^3$. Trong đó:

+ 01 Bể tự hoại khu vực văn phòng (dài x rộng x cao): $2\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1,5\text{m} = 4,5\text{m}^3/\text{bể}$.

+ 01 Bể tự hoại xây ngầm dưới khu vệ sinh chung, bể có thông số kỹ thuật (dài x rộng x cao): $1,7\text{m} \times 2\text{m} \times 1,5\text{m} = 5\text{m}^3/\text{bể}$.

*** Xử lý sơ bộ nước thải nhà ăn:**

Nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ thể tích 1m^3 (kích thước $1\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$). Bể có vai trò tách phần lớn mỡ lẫn trong nước thải bằng phương pháp tuyển nổi tự nhiên. Do mỡ nhẹ hơn nước nên khi cho nước thải chảy chậm qua bể, mỡ lẫn trong nước sẽ nổi lên phía trên. Phần mỡ nổi được vớt ra khỏi bể định kỳ. Nước thải

sau tách mỡ được dẫn bằng ống PVC D90 dài 25m về HTXL nước thải sinh hoạt công suất 5 m³/ngày đêm.

*** Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt sau bể phốt**

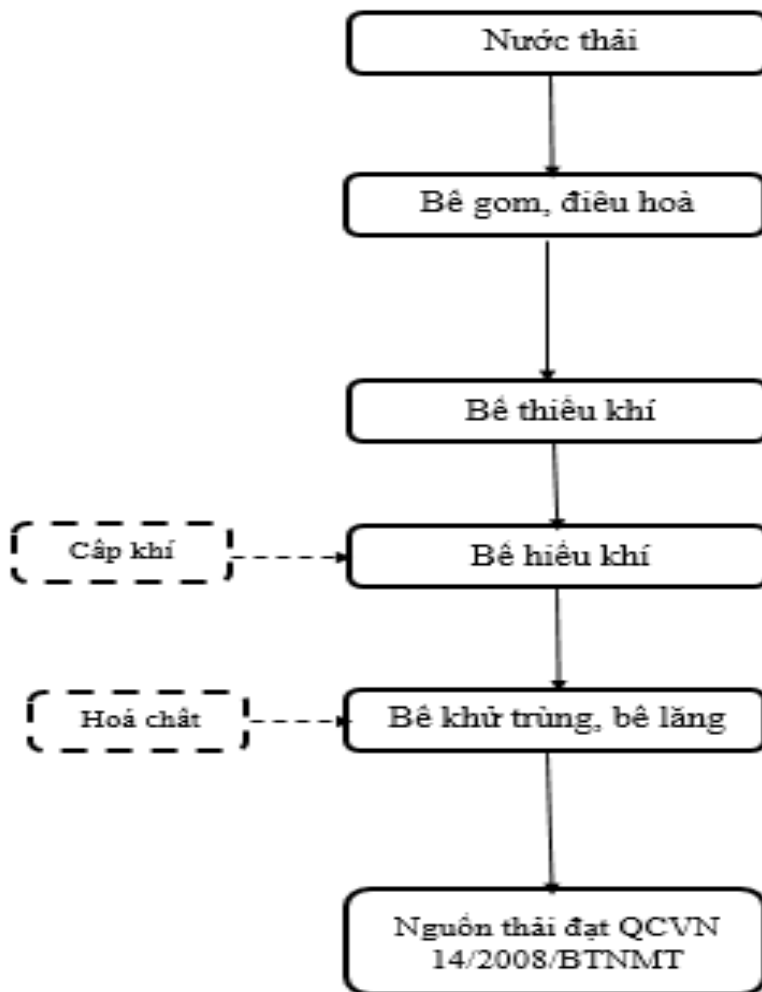
Công ty đã đầu tư 01 hệ thống bể xử lý nước thải tập trung để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của công ty và các đơn vị thuê nhà xưởng.

- Công suất hệ thống xử lý: 05 m³/ngày đêm
- Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh hiện tại cần xử lý là 03 m³/ngày đêm
- Công nghệ: Xử lý bằng phương pháp sinh học thiếu khí- hiếu khí – lắng- khử trùng.

- Thời gian nghiệm thu công trình: 9/2023

- Đơn vị thi công: Công ty cổ phần xây lắp và công nghệ 246

Nước thải đầu ra đạt QCVN 14:2008/BTNMT áp dụng mức B giá trị C_{max} trước khi thải ra mương thoát nước chung của khu vực.



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XLNT

Sơ đồ 3.3. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt

*** Thuyết minh công nghệ:**

- Thu gom, điều hòa:

Nước thải sinh hoạt sau bể phốt, nước thải nhà ăn sau bể tách mỡ được thu gom về bể gom để đảo trộn và điều hòa về nồng độ. Nguồn nước thải được ổn định cả mặt lưu lượng lẫn nồng độ nâng cao khả năng xử lý của hệ thống.

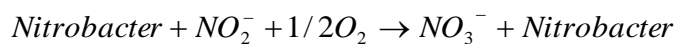
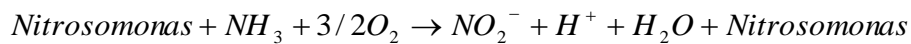
Ngoài ra bể có chức năng điều hòa lưu lượng và nồng độ các thành phần chất trong nước thải, tạo điều kiện thuận lợi cho các quá trình xử lý phía sau. Bể được cấp khí phía đáy giúp tạo ra môi trường hiếu khí trong khối nước thải, tránh hiện tượng phát sinh mùi hôi do sự phân hủy kỵ khí. Đồng thời dòng nước và khí làm xáo trộn khối nước thải trong bể điều hòa, giúp đồng nhất các thành phần chất trong nước thải và tránh hiện tượng lắng đọng cặn trong bể điều hòa.

Xử lý sinh học thiếu khí

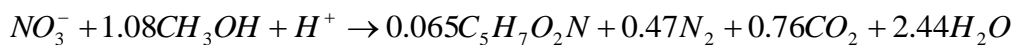
Sử dụng công nghệ AO (A-Anoxic, O-Oxic) là phương pháp thiếu khí truyền thống để khử các hợp chất Nitơ ở dạng Nitrat thành Nitơ tự do nhờ các vi sinh vật thiếu khí trong bể Anoxic. Công nghệ này có ưu điểm là dễ vận hành, chuyên xử lý nước thải có thành phần chất hữu cơ (COD, BOD), chất dinh dưỡng (N, P) cao.

Chức năng của bể Anoxic xử lý Nitơ dưới dạng nitrat thành nitơ tự do thông qua 2 quá trình là: Quá trình Nitrat hóa và quá trình khử Nitrat, cụ thể như sau:

+ Quá trình Nitrat hóa: là quá trình chuyển hóa các hợp chất Nitơ ở dạng hữu cơ thành Nitơ ở dạng Nitrit, Nitrat nhờ các vi sinh hiếu khí trong bể sinh học hiếu khí



+ Quá trình khử Nitrat: là quá trình khử các hợp chất Nitơ ở dạng Nitrat thành Nitơ tự do nhờ các vi sinh vật thiếu khí trong bể Anoxic.



- Xử lý sinh học hiếu khí FBR

Bể hiếu khí FBR là bể xử lý các chất ô nhiễm có trong nước thải dựa vào vi sinh vật hiếu khí. Vi sinh vật hiếu khí lấy các chất ô nhiễm có trong nước thải làm nguồn thức ăn để sinh trưởng và phát triển. Các vi sinh vật này sẽ phân huỷ các chất hữu cơ thành sản phẩm cuối cùng là CO₂ và H₂O. Lượng khí cần thiết cho quá trình phân huỷ chất bẩn của vi sinh vật trong bể được cấp vào nhờ máy thổi khí hoạt động luân phiên 24/24h. Nước sau khi ra khỏi công trình này, hàm lượng COD và BOD giảm từ 80 – 95%, đồng thời lượng bùn sinh ra cũng không nhiều như ở quá trình xử lý vi sinh bằng bùn hoạt tính lơ lửng (bể Aerotank)

Cơ chế quá trình chuyên hoá chất hữu cơ (chất gây ô nhiễm) thành chất vô cơ (chất không gây ô nhiễm): Vi sinh vật hiếu khí, tùy tiện và kỵ khí sống trên bề mặt vật liệu sẽ lấy chất hữu cơ trong nước thải làm thức ăn, quá trình này đồng nghĩa với việc chất gây ô nhiễm đã được chuyên hoá thành chất không gây ô nhiễm.

Dần theo thời gian lớp vi sinh bám dính này càng dày, lúc này chỉ vi sinh vật bề mặt mới lấy được thức ăn, còn những vi sinh vật bên trong không lấy được thức ăn sẽ phân huỷ nội bào, bong tróc ra và trôi theo nước sang ngăn lắng.

CONSH + O₂ + Chất dd $\xrightarrow{\text{Vi sinh}}$ CO₂ + NH₃ + C₅H₇NO₂ + sản phẩm khác



Quy trình xử lý sinh học hiếu khí FBR cho hiệu quả xử lý cao, dễ dàng kiểm soát, cân bằng chế độ thuỷ lực nhờ hệ thống van ống. Bên cạnh đó, lớp vật liệu đệm có bề mặt có bề mặt riêng lớn (110 m²/m³) nên hàm lượng sinh khối vi sinh tạo ra lớn, nâng cao khả năng chịu sốc của vi sinh (với bất kỳ thay đổi bất thường nào về lưu lượng cũng như tính chất của nước thải đầu vào) cao hơn nhiều so với các công nghệ sinh học truyền thống như phương pháp hiếu khí bùn truyền thống Aerotank, xử lý theo mẻ SBR, hoặc dạng công nghệ tích hợp giữa hai phương pháp đó (gọi là AST). Với những công nghệ sinh học cũ này, đòi hỏi nhân viên vận hành phải có tay nghề cao và giàu kinh nghiệm.

Lượng bùn cặn sinh ra trong quá trình giảm hẳn so với công nghệ sinh học truyền thống. Do vậy, giảm được chi phí về quản lý cũng như xử lý bùn.

* **Lắng bùn sinh học**

Toàn bộ hỗn hợp bùn và nước sau khi đi ra khỏi bể hiếu khí sẽ được đưa vào bể lắng. Tại bể lắng bùn sinh học sẽ diễn ra quá trình tách bùn hoạt tính và nước thải đã xử lý. Các bông bùn hoạt tính lắng xuống đáy bể dưới tác dụng của trọng lực, nước trong sẽ được thu vào máng thu nước chảy qua hộp khử trùng để dẫn ra ngoài.

Bùn hoạt tính sau khi lắng sẽ được bơm tuần hoàn và định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút đưa đi xử lý.

* **Khử trùng**

Nước từ bể lắng tự chảy qua bể khử trùng, hóa chất sẽ được bổ sung vào hộp chứa viên nén, sau đó được xả vào nguồn tiếp nhận đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

* **Xử lý bùn dư**

Bùn dư được chuyển về hồ thu bùn và được thải bỏ định kỳ theo quy định.

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

TT	Công trình	Kích thước D×R×H	Thể tích (m ³)	Kết cấu
1	Bể điều hòa	1.700x1.000x1.700mm	2,89	BTCT, tường xây gạch, trát trong và láng đáy
2	Bể thiếu khí	1.700x2.200x1.700mm	6,4	
3	Bể hiếu khí	11.700x2.000x1.700mm	6,4	
4	Bể lắng + khử trùng	1.700x800x1.700mm	2,3	

Bảng 3.2. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ xử lý nước thải

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Thiết bị thu gom			
1.1	Song chắn rác	Cái	01	Vật liệu: thép không rỉ
1.2	ống xi phong tách mỡ IPVC	Cái	01	Vật liệu: nhựa
2	Bể điều hòa			
2.1	Bơm chìm nước thải	Cái	02	Model: SH180 Lưu lượng max: 8m ³ /h Cột áp max: 7m Công suất: 0,18kw – 3 pha -380v – 50Hz Xuất xứ: Showfou – Đà Loan
2.2	Hệ thống đĩa phân phối khí	Cái	02	Loại: Difussur dạng đĩa, loại bọt thô và phụ kiện Vật liệu: PVC
3	Bể anoxic			
3.1	Hệ thống đảo trộn bùn	Cái	01	Loại: Difussur dạng đĩa, loại bọt thô và phụ kiện Vật liệu: PVC
4	Bể hiếu khí			
4.1	Máy thổi khí	Cái	02	Model: Gb-1100S Lưu lượng: 210m ³ /h Cột áp: 2,5m Công suất: 0,1kw – 3 pha -380v – 50Hz Xuất xứ: Showfou – Đà Loan
4.2	Hệ thống đĩa phân phối khí	Cái	06	Loại: Difussur dạng đĩa, loại bọt tinh Vật liệu: EPDM Đường kính: 260mm Xuất xứ: Mỹ
5	Bể lắng			
5.1	Bơm tuần hoàn bùn đặt chìm	Cái	02	Model: SH180 Lưu lượng max: 8m ³ /h Cột áp max: 7m Công suất: 0,18kw – 3 pha -380v – 50Hz

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở: Sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Thiết bị thu gom			
				Xuất xứ: Showfou – Đài Loan
5.2	Ống lắng	cái	01	
6	BỂ KHỬ TRÙNG			
6.1	Hộp khử trùng	Hộp	01	
7	Tủ điều khiển và hệ thống điện	Bộ	01	- 01 Tủ sắt sơn tĩnh điện - 01 hệ thống tuyến cáp truyền tải điện
8	Hệ thống đường ống công nghệ	Hệ thống	01	Đường ống dẫn nước; đường ống dẫn khí; phụ kiện

(Bản vẽ hoàn công HTXLNT đính kèm phụ lục)

Nước thải sau xử lý đạt loại B, QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thải cống thoát nước thải của khu vực tại 01 cửa xả.

*** Định mức sử dụng hóa chất:**

- Sử dụng Clo dạng viên định mức sử dụng theo khuyến cáo của nhà sản xuất là 0,6g/m³, ước tính mức sử dụng đối với hệ thống xử lý 10m³/ngày là 6g/ngày (Sử dụng viên nén 200g/viên và kiểm tra sau từ 7 - 10 ngày để bổ sung).

- Men, rỉ mật khởi tạo hệ thống nuôi cấy trong 20 ngày đầu tiên: Vi sinh hiếu khí, Chất dinh dưỡng 5kg, men vi sinh xử lý nước thải EMIC 1kg.

- Điện năng tiêu thụ khoảng 32,7kW/ngày.

Đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải

- Công suất thiết kế: Hiện nay với tổng lưu lượng nước thải phát sinh 3m³/ngày đêm (bao gồm cả các đơn vị thuê nhà xưởng). Tuy nhiên hiện tại đơn vị thuê nhà có 02 công nhân, dự phòng cho những năm tiếp theo khi có đơn vị khác vào thuê với số lượng công nhân tăng, do vậy công ty thiết kế hệ thống xử lý công suất 10m³/ngày đêm đáp ứng với lượng công nhân làm việc tại cơ sở là 100 người.

- Hiệu quả xử lý: Ngày 8/11/2024, công ty thực hiện thuê đơn vị là Công ty cổ phần xây lắp và tư vấn công nghệ 246 tiến hành lấy mẫu quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý. Kết quả quan trắc như sau:

Bảng 3.3 Kết quả quan trắc mẫu nước thải sau xử lý

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT
				NT	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,4	5 ÷ 9
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	10	50
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	10	100
4	TDS	mg/L	NEJSC/HT/SOP-	215	1.000

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở: Sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT
				NT	Cột B
			DN02		
5	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	<0,05	4
6	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,35	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	3,09	50
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ _P)	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03	10
9	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2,47	20
10	Chất HDBM	mg/L	TCVN 6622-1:2009	2,21	10
11	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1.700	5.000

Ghi chú:

- **Nt:** Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý lấy tại cửa xả cuối cùng trước khi chảy ra ngoài môi trường.
- **QCVN 14: 2008/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, áp dụng mức A.
- *Mẫu kết quả ghi “<” là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.*

Nhận xét:

Tại thời điểm quan trắc nước thải sau xử lý cho thấy: Nồng độ các thông số quan trắc đều đạt mức B của QCVN 14: 2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Giảm thiểu ô nhiễm do phương tiện giao thông

Để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường cho khu vực, Công ty đang và sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp sau:

- Bê tông hoá toàn bộ sân bãi.
- Bố trí lán xe cho công nhân và khu vực đỗ xe ô tô ra vào nhập hàng
- Tưới nước làm ẩm đường giao thông, nhất là vào những ngày khô hanh với tần suất 1-2 lần/ngày.
- Trồng cây xanh vừa tạo cảnh quan, vừa giảm thiểu bụi và tiếng ồn.

b. Giảm thiểu ô nhiễm từ hoạt động sản xuất

*** Biện pháp, công trình xử lý khí thải lò hơi**

Công ty sử dụng 01 lò hơi công suất 5 tấn hơi/h, nhiên liệu đốt là củi. Hơi nóng

từ lò hơi phục vụ cấp cho công đoạn làm khô giấy trước khi đưa vào sản xuất.

Để xử lý khí thải lò hơi công ty đã áp dụng biện pháp xử lý như sau:

- Sơ đồ nguyên lý của thiết bị:

Bụi, khí thải lò hơi → quạt hút → bể đập bụi → ống thải ra ngoài môi trường

- Thuyết minh quy trình:

Bụi và khí thải lò hơi được xử lý bằng phương pháp đập bụi bụi ướt. Dòng khí bụi sau khi ra khỏi buồng đốt được đưa vào bể đập bụi bằng nước trước khi thải ra ngoài môi trường. Nước thải sau quá trình đập bụi được đưa sang bể chứa để lắng cặn và giải nhiệt sau đó tuần hoàn về khoang xử lý.

* Thông số kỹ thuật của hệ thống:

- Bể xử lý (dung dịch hấp thụ là nước) khí thải được xây gạch, kích thước toàn khối: D x R x H = 3250mm x 1140mm x 1100mm = 4m³, chia làm 03 ngăn kích thước như nhau.

- Ống khói: cấu tạo bằng thép, đường kính D600mm, cao 13,5m

- Quạt hút: Công suất: 3,75 kW; lưu khí thải: 10.000 m³/h.

Bảng 3.4 Kết quả quan trắc mẫu khí thải lò hơi sau xử lý

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT	Cột B
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 02	9.273	-
2	Bụi tổng (PM)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	66,5	200
3	SO ₂	mg/Nm ³	NEJSC/HT/SOP-LMKT105	0,00	500
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	NEJSC/HT/SOP-LMKT105	3,73	850
5	CO	mg/Nm ³	NEJSC/HT/SOP-LMKT105	938	1.000

Ghi chú:

+ KT: Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi. Tọa độ: X=2320978.9, Y=596136.8.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

Nhận xét:

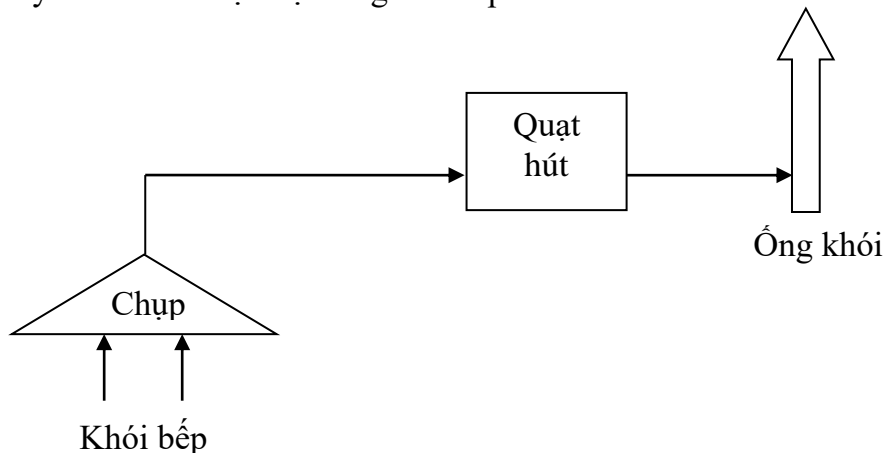
Kết quả quan trắc khí thải lò hơi sau xử lý cho thấy: nồng độ bụi tổng và các khí CO, SO₂, NO_x đều đạt QCCP theo QCVN 19:2009/BTNMT.



Hình 3.2. Lò hơi và hệ thống bể xử lý khí thải lò hơi

d Biện pháp giảm thiểu đối với khu vực bếp ăn

Công ty lắp đặt hệ thống chụp hút và ống phông không nhằm hút toàn bộ lượng mùi và khí phát sinh ra bên ngoài và phát tán nhanh vào môi trường không khí, tránh để xảy ra ô nhiễm cục bộ trong nhà bếp.



Sơ đồ 3.4. Quy trình thu gom mùi khu vực nhà bếp

Thông số kỹ thuật của hệ thống:

- Quạt hút: $Q = 2000 \text{ m}^3/\text{h}$; số lượng: 01 cái.
- Ống khói đường kính 0,2 m

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Rác thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và sản xuất của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng và các đơn vị thuê nhà xưởng được thu gom phân lập và thuê xử lý theo quy định. Lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và nguy hại phát sinh như sau:

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng

a. Chất thải sinh hoạt

*** Lượng chất phát sinh**

Theo số lượng thống kê của công ty, với số lượng công nhân 30 người (28 người của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng và 02 người của đơn vị thuê nhà xưởng là Công ty TNHH HQ paper) lượng chất thải rắn sinh hoạt thải ra hàng ngày bao gồm cả hoạt động nấu ăn khoảng 9kg/ngày, tương đương 2,8 tấn/năm.

Thành phần chất thải bao gồm: Giấy, phần thừa của các loại thực phẩm, thức ăn thừa, bao bì chứa lương thực, thực phẩm và đồ uống...

*** Biện pháp thu gom, xử lý**

Trang bị thùng chứa rác đặt tại các khu vực phát sinh như văn phòng, nhà ăn, nhà vệ sinh. Số lượng 04 thùng chứa rác bằng nhựa loại 20- 50 lít/thùng.

Biện pháp thu gom: rác thải sinh hoạt được thu gom hàng ngày vào các thùng chứa phía trong có lớp nilon, hết ngày rác được buộc kín bằng các túi nilon sau đó tập kết tại khu vực kho chứa rác thải.

- Biện pháp xử lý rác thải sinh hoạt: Thời điểm lập hồ sơ cấp phép môi trường, Công ty đã ký hợp đồng số 522/2024/HĐCN/URENCO11 ngày 01/3/2024 với Công ty Cổ phần môi đô thị và công nghiệp 11- Urenco11 có địa chỉ tại xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên đến thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý theo quy định.

* Đối với chất thải sinh hoạt từ đơn vị thuê xưởng: do đơn vị đang thuê có số lượng công nhân ít do vậy Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng thực hiện thu gom chung và thuê xử lý theo quy định.

b. Chất thải rắn sản xuất

*** Lượng chất thải rắn phát sinh**

Trong quá trình sản xuất các sản phẩm bao bì carton, cơ sở phát sinh bavia và sản phẩm lỗi từ các công đoạn sản xuất. Ngoài ra còn một số loại chất thải rắn khác bao gồm nilon, giấy đai nẹp hồng từ hoạt động đóng gói, rác thải từ hoạt động văn phòng, cụ thể:

Bảng 3.5. Lượng chất thải rắn thông thường phát sinh hiện tại

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Đơn vị	Lượng phát sinh
1	Giấy, bao bì Bìa carton	Rắn	18 01 05	kg/năm	200.000
2	Nilon, dây nhựa	Rắn	18 01 06	Kg/năm	300
3	Vỏ hộp mực in của máy in văn phòng	Rắn	08 02 08	kg/năm	2
4	Bùn thải hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Lỏng	12 06 10	kg/năm	400

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở: Sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Đơn vị	Lượng phát sinh
5	Phế kim loại thải (thải ra từ bảo dưỡng máy móc, thiết bị)	Rắn	11 04 04	kg/năm	800
Tổng		-	-	kg/năm	201.502

*** Biện pháp thu gom**

- Thu gom, phân loại rác thải phát sinh sau mỗi ca làm việc.
- Khu vực chứa chất thải rắn: Công ty bố trí 01 khu vực chứa có diện tích 10 m² mái lợp tôn, nền láng xi măng chống thấm, cửa sắt.

*** Biện pháp xử lý**

- Đối với bavia giấy, bìa carton được thu gom và bán lại cho đơn vị cung cấp nguyên liệu để tái sử dụng.
- Các chất thải còn lại, Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý: Thời điểm lập hồ sơ cấp phép môi trường, Công ty đã ký hợp đồng số 522/2024/HĐCN/URENCO11 ngày 01/3/2024 với Công ty Cổ phần môi đô thị và công nghiệp 11- Urenco11 có địa chỉ tại xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên đến thu gom và vận chuyển xử lý theo quy định.
- Tần suất thu gom 3 tháng/lần.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

*** Lượng chất thải rắn phát sinh**

Căn cứ thực tế tại cơ sở và chứng từ bàn giao chất thải với đơn vị thu gom xử lý, các loại chất thải rắn nguy hại phát sinh tại cơ sở trong năm như sau:

Bảng 3.6. Khối lượng CTNH CTR nguy hại phát sinh hiện tại

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	15
2	Giẻ lau, găng tay bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	30
3	Pin thải	Rắn	16 01 12	0,5
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	50
5	Bao bì nhựa thải dính thành phần nguy hại (hộp keo, dầu thải)	Rắn	18 01 03	200
6	Bao kim loại thải	Rắn	18 01 02	5
	Tổng			300,5

*** Biện pháp thu gom**

+ Thu gom, phân loại ngay tại nguồn phát sinh, trang bị các thùng chứa có nắp đậy và chứa riêng từng loại, trên thùng chứa có dán mã chất thải.

+ Khu lưu trữ và quản lý chất thải: Công ty bố trí 01 kho chứa chất thải rắn, trong đó khu chứa chất thải rắn nguy hại có diện tích 10m² tại vị trí giáp tường bao phía Tây Nam của nhà máy. Kho chứa được thiết kế mái lợp tôn, nền láng xi măng chống thấm, có cửa quản lý. Mỗi loại chất thải được đựng vào các thùng chứa riêng biệt, dung tích thùng chứa từ 10 đến 50 lít tùy thuộc vào lượng chất thải phát sinh.

*** Biện pháp xử lý**

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý: Thời điểm lập hồ sơ cấp phép môi trường, Công ty đã ký hợp đồng số 522/2024/HĐCN/URENCO11 ngày 01/3/2024 với Công ty Cổ phần môi đô thị và công nghiệp 11- Urenco11 có địa chỉ tại xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên đến thu gom và vận chuyển xử lý theo quy định.



Hình 3.3. Kho chứa rác thải nguy hại của công ty

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

*** Nguồn phát sinh**

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất của công ty, từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở.

*** Biện pháp xử lý**

- + Gia cố móng/bệ máy và lắp đặt các bộ chống rung cho các thiết bị rung, ồn lớn.
- + Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt.
- + Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng hướng dẫn và đúng quy trình của nhà sản xuất.

+ Kiểm tra định kỳ mức độ ồn trong xưởng sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.

- Trồng cây xanh

- Bố trí bảo vệ điều tiết phương tiện giao thông ra vào cơ sở.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Nước thải

- Các biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý

+ Kiểm soát quá trình vận hành, tuân thủ các yêu cầu và thông số kỹ thuật thiết kế.

- Ghi nhật ký vận hành hệ thống: lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm, các chất độc, ảnh hưởng của nhiệt độ hàng ngày

- Trang bị các thiết bị dự phòng: 01 bơm chìm nước thải lưu lượng $Q_{\max} = 8 \text{ m}^3/\text{h}$, $H_{\max} = 7\text{m}$, công suất 0,18kw – 3 pha -380v – 50Hz; 01 máy thổi khí $210\text{m}^3/\text{h}$, công suất 0,1kw – 3 pha -380v – 50Hz.

+ Xây dựng kế hoạch bảo trì bảo dưỡng hệ thống, cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Bơm nước thải	Kéo bơm lên vệ sinh	1 lần/tuần
		Kiểm tra dây điện, các điểm đấu nối	1 lần/tuần
		Tháo mở vệ sinh van một chiều	1 lần/tháng
2	Thiết bị đo mức nước	Kiểm tra dây tín hiệu hộp điện đấu nối	1 lần/tuần
		Kiểm tra vệ sinh sensor	1 lần/tháng
3	Hệ thống van và phụ kiện theo bơm	Kiểm tra bulong, gioăng cao su	1 lần/tháng
4	Hệ thống van và phụ kiện	Kiểm tra bulong xiết van có chặt không, có bị rò rỉ hoặc nước không đường ống có bị thủng, hở không	Thường xuyên
5	Máy khuấy	Kiểm tra mức dầu, thay dầu mới	1 lần/6 tháng
		Kiểm tra dây điện, các điểm đấu nối	1 lần/tuần

- Các biện pháp ứng phó khi sự cố xảy ra

+ Trường hợp vỡ đường ống dẫn nước thải: ngắt bơm đẩy nước thải về hệ thống, đôn nước thải tạm về hố gom, đặt bơm hút hết lượng nước thải phát sinh về bể gom để xử lý, nhanh chóng nối lại ống bị vỡ và đưa vào vận hành bình thường

+ Trường hợp phát hiện bơm chính trong các bể bị hỏng, dừng hoạt động: Sử dụng các bơm dự phòng để thay thế, đưa các bơm hỏng đi sửa chữa hoặc thay thế

trong thời gian nhanh nhất.

+ Khi phát hiện chỉ tiêu nào đó trong mẫu nước thải đầu ra vượt giới hạn cho phép, Công ty sẽ khóa van xả nước thải. Căn cứ vào thông số vượt tiêu chuẩn Công ty sẽ bơm toàn bộ nước thải sau xử lý ở bể cuối cùng về các bể điều hòa để xử lý lại.

+ Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải thải ra tiếp tục được lưu trữ trong ngăn điều hòa và các ngăn khác trong hệ thống XLNT cho đến khi đầy thì phải dừng sản xuất đảm bảo khắc phục trước khi đi vào vận hành trở lại.

Cụ thể các sự cố thường gặp và cách khắc phục như sau:

Bảng 3.7. Các sự cố hệ thống nước thải và nguyên nhân khắc phục

Các sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Bơm yếu hoặc không chạy	- Do rác dẫn đến kẹt cánh quạt bơm	- Vệ sinh rọ rác hàng ngày tại hố thu gom - Tháo bơm ra kiểm tra
	- Mất nguồn điện cấp vào	- Kiểm tra lại nguồn điện cấp vào bơm, nếu bơm hỏng thay bơm
	- Phao tín hiệu hỏng	- Kiểm tra lại phao - Thay thế phao mới
Bùn không đảo hoặc đảo không đều	- Do chưa mở máy hoặc mở máy không đúng - Do tắc giàn ống đảo bùn bên dưới	- Điều chỉnh lại máy khuấy đảo bùn
Nước đảo nhưng không có bùn	- Do vận hành sai dẫn tới mất bùn	- Tiến hành nuôi cấy lại
Bể sinh học chứa đầy bọt trắng	- Vi sinh bị ức chế dẫn đến phân hủy nội bào	- Xem lại hệ thống vận hành
Đường ống bị rò rỉ, vỡ bể	- Do các tác nhân ngoại cảnh	- Xác định đoạn ống bị vỡ - Khóa nguồn nước chảy qua đoạn ống bị vỡ - Tiến hành thay thế đoạn ống - Khi bị vỡ bể, thu gom, lưu giữ nước về bể điều hòa, nhanh chóng khắc phục sự cố, nếu chưa kịp khắc phục mà vượt quá khả năng chứa của các bể còn lại thì sẽ thuê đơn vị thứ hai đến hút đi xử lý.

b. Biện pháp phòng ngừa sự cố lò hơi

** Biện pháp phòng chống*

- Kiểm soát quá trình vận hành, tuân thủ các yêu cầu và thông số kỹ thuật thiết kế.
- Định kỳ bảo dưỡng, bảo trì thiết bị của hệ thống xử lý để sớm phát hiện các dấu hiệu hỏng và sửa chữa hoặc thay thế kịp thời.

** Biện pháp khắc phục*

Sau khi xác định được nguyên nhân gây ra sự cố, sẽ thực hiện một số giải pháp để khắc phục sự cố như sau:

- Bước 1: Xác định những sự cố có thể xảy ra trong quá trình vận hành: sự cố về quạt hút, sự cố phần điện điều khiển, sự cố của máy bơm.
- Bước 2: Từ những sự cố đưa ra các giải pháp ứng phó, cụ thể
- Bước 3: Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế thiết bị: mỗi 1 vị trí sử dụng bơm và quạt hút đều có 1 bộ dự phòng với công suất tương tự.

Các sự cố thường gặp và cách khắc phục

Bảng 3.8. Tổng hợp các sự cố thường gặp và cách khắc phục khi vận hành hệ thống xử lý khí thải nội hơi

TT	Thiết bị	Sự cố	Cách khắc phục
I	Máy bơm		
	Không bơm được nước, động cơ không chạy	- Tụ bị hỏng, bị lỗi	- Tạm dừng và thay thế thiết bị
		- Trục bị tắc	- Kiểm tra nguyên nhân và loại bỏ vật (nguyên nhân) gây tắc - Kiểm tra các mối nối có kín không
II	Quạt hút khí		
1.	Động cơ không chạy	- Không đủ điện áp - Công tắc tự động đóng - Rotor bị kẹt - Rơ le nhiệt nhảy	- Kiểm tra nguồn điện và dây điện vào máy - Điều chỉnh công tắc và xác định nguyên nhân - Nhận định nguyên nhân của vấn đề và loại bỏ - Điều chỉnh lại chế độ tự động
2.	Quạt hút không hút, không đẩy khí được.	- Có hiện tượng lực hút tại cái điểm thu khí bị yếu hoặc không hút được	- Kiểm tra đường ống ra, đường ống vào quạt - Kiểm tra gió
III	Phần điện điều khiển		

1.	Role nhiệt của thiết bị tự động đóng.	Dòng làm việc cao hơn dòng định mức, tức là điện áp nguồn thấp hơn điện áp quy định.	Kiểm tra điện áp nguồn và dòng làm việc của các máy.
		Động cơ bị làm việc quá tải.	Cần kiểm tra các van, vệ sinh máy.
2.	Rơ le nhiệt của các máy bơm bật (đèn đỏ tại các công tắc máy bơm)	Máy đang bị quá tải (nếu điện áp nguồn đủ) do có vật cản tại đầu hút như rác, dây, sợi nilông	Cần kiểm tra máy bơm và vệ sinh máy.

- Định kỳ kiểm tra hoạt động của các thiết bị của hệ thống 3 tháng/lần để sớm phát hiện các dấu hiệu hỏng và sửa chữa hoặc thay thế kịp thời.

c. Biện pháp PCCC

❖ Trách nhiệm thực hiện công tác PCCC cháy

*** Đối với Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp PCCC như sau:**

Đối với biện pháp phòng cháy chữa cháy, công ty đã được thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy theo giấy chứng nhận số số 37/TD-PCCC ngày 12/6/2013 đối với công trình nhà xưởng sản xuất với các nội dung PCCC được thẩm duyệt sau:

- Tổng mặt bằng xây dựng, khoảng cách an toàn PCC
- Bậc chịu lửa, lối và đường thoát nạn
- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống điện chiếu sáng sự cố, đèn thoát hiểm
- Phương tiện, dụng cụ PCCC ban đầu

Để phòng tránh cháy nổ Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

+ Nghiêm cấm công nhân không được hút thuốc hay mang chất gây cháy vào khu vực sản xuất, kho nguyên liệu.

+ Nguyên liệu và sản phẩm được sắp xếp gọn gàng, xa khu vực có nguồn điện

+ Trang bị các thiết bị PCCC gồm: Hệ thống 03 máy bơm, 02 bơm động cơ điện có công suất 37 kw, , 01 máy bơm động cơ Diesel có công suất P=37kW, lưu lượng Q=96 - 240m³/h, H=59,6 - 46,1 mcn. Nguồn nước chữa cháy lấy từ hồ có khối tích 900m³ và bể chứa thể tích 50m³.

+ Trang thiết bị chữa cháy trong các xưởng: các họng chữa cháy; phương tiện chữa cháy ban đầu bình bột chữa cháy MFZ4, bình kí MT4; nội duy, tiêu lệnh PCCC; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn dẫn thoát nạn; đầu báo khói; tổ hợp nút ấn, chuông, đèn báo cháy.

+ Xây dựng nội quy, quy định về PCCC, nội quy tại các khu vực, nội quy sử dụng điện.

+ Thường xuyên định kỳ kiểm tra thiết bị PCCC và thay thế bổ sung kịp thời khi có hỏng hóc.

+ Thành lập lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở và được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy định kỳ hàng năm.

- Đối với các đơn vị thuê nhà xưởng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp PCCC như sau:

- Thực hiện nghiêm các biện pháp PCCC theo quy định
- Phối hợp với công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng trong việc PCCC.

*** Biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố cháy nổ:**

Khi phát hiện ra sự cố thì tất cả các CBCNV đều phải thực hiện các biện pháp sau:

- Ngắt ngay cầu dao điện.
- Báo động qua hệ thống điện thoại.
- Báo động qua keng báo động.
- Trực tiếp báo cho Công an Phòng cháy, chữa cháy tỉnh Hải Dương qua số điện thoại 114.
- Di tản người và tài sản ra ngoài vùng bị cháy.
- Gọi cấp cứu y tế (115) nếu có người bị tai nạn.
- Huy động các CBCNV tập trung chữa cháy trong khi chờ đội cứu hỏa tới.

d. Các biện pháp ứng phó sự cố khác

*** Biện pháp an toàn lao động**

- Kiểm soát các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động.
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động: Găng tay, giày, ủng, quần áo, khẩu trang cho công nhân.

- Thành lập tổ vệ sinh môi trường và an toàn lao động.
- Tổ chức các lớp huấn luyện về vệ sinh và an toàn lao động.
- Đảm bảo 100% CBCNV của Công ty thực hiện mua bảo hiểm Y tế.
- Thiết lập các bảng hướng dẫn, nội quy vận hành thiết bị, máy móc.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc, nhà xưởng, kho chứa.
- Kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị.
- Định kỳ kiểm soát môi trường vệ sinh lao động.
- Định kỳ thực hiện khai báo, kiểm định máy móc thiết bị sử dụng trong quá trình sản xuất. Công nhân tham gia vận hành các máy móc thiết bị này đều được đào tạo và cấp chứng chỉ của đơn vị có chức năng.

- Thực hiện nghiêm các biện pháp an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ để hạn chế các sự cố xảy ra gây ảnh hưởng Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng

đến sức khỏe người lao động và thiệt hại cho sản xuất.

- Khi xảy ra sự cố, thực hiện sơ cứu sơ bộ tại Công ty, phối hợp chặt chẽ với đơn vị y tế tại địa phương và tuyến trên để kịp thời xử lý.

*** Các biện pháp phòng chống và ứng phó mất an toàn vệ sinh thực phẩm**

Hiện tại công ty chưa thực hiện hoạt động nấu ăn. Khi triển khai sẽ áp dụng các biện pháp phòng chống và ứng phó như sau:

- *Kế hoạch phòng chống:*

+ Xây dựng kế hoạch cấp cứu khi có dịch và ngộ độc thực phẩm

+ Phối hợp chặt chẽ với cơ quan y tế tổ chức cấp cứu khi có ngộ độc.

- *Kế hoạch ứng phó khi xảy ra sự cố:*

+ Sơ cứu đối với trường hợp ngộ độc nặng, bị mất kiểm soát cơ thể

+ Đưa những người bị ngộ độc tới cơ sở y tế gần nhất

+ Cảnh báo những người có nguy cơ bị ngộ độc nhằm theo dõi sức khỏe bản thân để có ứng cứu kịp thời

+ Điều tra, làm rõ nguyên nhân gây ngộ độc và có biện pháp xử lý, phòng tránh

+ Phát hiện và báo cáo cho cơ sở y tế địa phương về dịch bệnh

+ Cách ly người bệnh với cán bộ công nhân viên bằng cách đưa tới trạm y tế hoặc đưa bệnh nhân về nhà (nếu được sự đồng ý của cơ quan y tế địa phương)

*** Biện pháp an toàn giao thông**

Để đảm bảo an toàn giao thông Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Tốc độ xe di chuyển trong các tuyến đường nội bộ của Công ty là 20 km/h.

- Phân luồng giao thông phía cổng ra vào của Công ty đảm bảo tránh gây ùn tắc cục bộ, gây mất an toàn giao thông.

- Trên các tuyến đường giao thông nội bộ của Công ty có quy định các làn đường cho công nhân đi lại trong khuôn viên nhà máy.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: nước thải sinh hoạt
- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng.
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của đơn vị thứ cấp thuê nhà xưởng của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 10 m³/ngày đêm
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm của dòng nước thải: các chất ô nhiễm đạt giá trị C_{max} của QCVN 14:2008/BTNMT, mức B với giá trị k=1,2.

Bảng 4.1. Tổng hợp các thông số trong nước thải đề nghị cấp phép

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, mức B	
			C	C _{max}
1	pH	-	5 - 9	5 - 9
2	BOD ₅ (200C)	mg/l	50	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	1200
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0	4.8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	12
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000	6000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
- + Điểm xả nước thải sau xử lý:
 - ++ Tọa độ xả nước thải: (Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰): X= 2320931, Y= 596329.
 - ++ Vị trí xả thải: mương thoát nước nằm giáp công ty về phía Đông
- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được bơm vào mương thoát qua đường ống HDPE D75 dài 108 m.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước nằm giáp công ty về phía Đông.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

- Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn khí thải nồi hơi sau xử lý

- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m³/h

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, mức B với kp=1,0; kv=1,0, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1000
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

+ Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN2.000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰): X1(m): 2320987; Y1(m): 596133

+ Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả thải gián đoạn 8h/24h (theo giờ làm việc)

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn:

- Nguồn phát sinh: nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc sản xuất.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Trong xưởng sản xuất

Toạ độ xả nước thải (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực 105⁰00', múi chiều 3⁰): X(m): 232098 ; Y(m): 596180

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT. Cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

4. Quản lý chất thải

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Đơn vị	Lượng phát sinh
1	Giấy, bao bì Bìa carton	Rắn	18 01 05	kg/năm	200.000
2	Nilon, dây nhựa	Rắn	18 01 06	Kg/năm	300
3	Vỏ hộp mực in của máy in văn phòng	Rắn	08 02 08	kg/năm	2
4	Bùn thải hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Lỏng	12 06 10	kg/năm	400
5	Phế kim loại thải (thải ra từ bảo dưỡng máy móc, thiết bị)	Rắn	11 04 04	kg/năm	800
Tổng		-	-	kg/năm	201.502

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	15
2	Giẻ lau, găng tay bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	30
3	Pin thải	Rắn	16 01 12	0,5
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	50
5	Bao bì nhựa thải dính thành phần nguy hại (hộp keo, dầu thải)	Rắn	18 01 03	200
6	Bao kim loại thải	Rắn	18 01 02	5
Tổng				300,5

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 2,8tấn/năm.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Theo bản Cam kết bảo vệ môi trường của công ty đã được UBND huyện Kim Thành phê duyệt theo Giấy xác nhận số 08/GXN -UBND ngày 14/8/2009 thì phải thực hiện tần suất quan trắc môi trường 2 lần/năm.

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường Sửa đổi, bổ sung Điều 39 tại mục 1: “Đối tượng, tần suất và thông số quan trắc nước thải định kỳ: Các cơ sở, dự án đã đi vào hoạt động, có quy mô công suất tương đương với đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường và có tổng khối lượng nước thải thải ra môi trường (theo tổng công suất thiết kế hoặc theo khối lượng nước thải đã đăng ký trong kế hoạch bảo vệ môi trường) từ 20m³/ngày (24 giờ) trở lên, trừ các trường hợp đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Tần suất quan trắc nước thải định kỳ là 06 tháng/lần...” Do đó từ thời điểm đó Công ty không phải thực hiện quan trắc môi trường.

Căn cứ phụ lục XXVIII và phụ lục XXIX ban hành theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ thì cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ khí thải và nước thải do đó phải tiến hành quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo. Ngày 8/11/2024, Công ty đã phối hợp với Công ty cổ phần Xây lắp và Tư vấn công nghệ 246 và Công ty cổ phần Nextech Ecolife thực hiện quan trắc môi trường nước thải sau hệ thống xử lý tập trung, khí thải sau xử lý lò hơi ngày 8/11/2024. Kết quả quan trắc như sau:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc khí thải lò hơi sau xử lý

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT	Cột B
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 02	9.273	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 05	66,5	200
3	SO ₂	mg/Nm ³	NEJSC/HT/SOP-LMKT105	0,00	500
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	NEJSC/HT/SOP-LMKT105	3,73	850
5	CO	mg/Nm ³	NEJSC/HT/SOP-LMKT105	938	1.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
- + KT: Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi. Tọa độ: X=2320978.9, Y=596136.8.
- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

+ Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Nhân xét:

Kết quả quan trắc tại thời điểm lấy mẫu cho thấy: Nồng độ bụi tổng và các khí CO, SO₂, NO_x đều đạt mức B của QCVN 19:2009/BTNMT.

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT
				NT	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,4	5 ÷ 9
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	10	50
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	10	100
4	TDS	mg/L	NEJSC/HT/SOP-DN02	215	1.000
5	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	<0,05	4
6	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,35	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	3,09	50
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03	10
9	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2,47	20
10	Chất HDBM	mg/L	TCVN 6622-1:2009	2,21	10
11	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1.700	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Mẫu nước thải sinh hoạt sau xử lý. Tọa độ: X=2320939, Y=596251.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

+ Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Nhân xét:

Kết quả quan trắc tại thời điểm lấy mẫu cho thấy: Nồng độ các thông số phân tích có trong nước thải đều đạt mức B của QCVN 14:2008/BTNMT.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

TT	Hạng mục công trình	Thời vận hành thử nghiệm	Công suất hoạt động của cơ sở tại thời điểm hoạt động vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m ³ /ngày đêm	06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực	100% công suất của cơ sở
2	HTXL khí thải lò hơi		

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu	Thông số	Tần suất	Thời gian
1. Hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm				
Nước thải tại bể gom	Nt1	pH, BOD ₅ , TSS, TDS, S ²⁻ , NH ₄ ⁺ -N,	01 lần/ngày; lấy một lần, mẫu đơn	Trong thời gian vận hành thử nghiệm
Nước thải sau xử lý	Nt2	NO ₃ -N, PO ₄ ³⁻ -P, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform	01 ngày/lần; lấy 03 ngày liên tiếp mẫu đơn	
2. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	OK1	Lưu lượng, bụi TSP, SO ₂ , NO _x , CO	01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn)	

1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

- Công ty cổ phần Nextech Ecolife.
- Địa chỉ: LK17 -16 Khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông thành phố Hà Nội.
- Giấy chứng nhận số hiệu VIMCERTS 301.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

2.1.1. Quan trắc nước thải:

Cơ sở có lưu lượng phát sinh nước thải tối đa 10m³/ngày đêm, căn cứ theo mục b khoản 1 điều 97, của Nghị định số 08/2022-NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường cơ sở không thuộc quy định phải thực hiện chương trình quan trắc nước thải.

2.1.2. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp:

Theo mục c, khoản 1 điều 98 của nghị định 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022, cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Theo khoản 2, điều 97 của Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì Dự án không nằm trong danh mục các dự án cần quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Theo khoản 2, điều 98 của Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì Dự án không nằm trong danh mục các dự án cần quan trắc khí thải tự động, liên tục.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm (2022, 2023) và đến thời điểm lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường của cơ sở (tháng 11/2024), công ty đã chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và 01 cuộc kiểm tra như sau:

Ngày 05/1/2023 Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Hải Dương đã tiến hành lập biên bản số 10/BB-VPHC biên bản vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng, căn cứ nội dung biên bản Công ty vi phạm hành chính với nội dung Cơ sở đang hoạt động không có giấy phép môi trường theo quy định. Căn cứ biên bản kiểm tra, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 22/QĐ-XPVPHC ngày 12/1/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty .

Sau khi nhận Quyết định số 22/QĐ-XPVPHC ngày 12/1/2023, Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng đã hoàn thiện khắc phục hậu quả nộp tiền xử phạt hành chính vào ngân sách nhà nước.

Thực hiện Công văn số 3731/UBND -NN ngày 08/8/2024 của UBND huyện Kim Thành về việc xử lý vi phạm công trình thủy lợi trên địa bàn huyện. Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra tại doanh nghiệp vào ngày 21/8/2024. Theo biên bản làm việc số 01/BB-TNMT ngày 21/8/2024 (*biên bản đính kèm phụ lục*), một số nội dung kết luận như sau:

- Công ty liên hệ cơ quan chức năng hoàn thiện hồ sơ GPMT.
- Quá trình hoạt động phải đảm bảo các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, xả thải.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng xin bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, nếu có gì sai trái chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường

* Môi trường không khí: Các chất ô nhiễm trong khí thải của cơ sở khi thải ra môi trường bảo đảm đạt các tiêu chuẩn sau:

- Tiêu chuẩn 7 - Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 10/10/2002 về việc áp dụng 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động.

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu nơi làm việc.

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

* Tiếng ồn: Đảm bảo độ ồn sinh của cơ sở sẽ đạt các tiêu chuẩn cho phép bao gồm:

- QCVN 24/2016/BYT: - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

* Độ rung: Đảm bảo độ rung sinh ra từ hoạt động của cơ sở sẽ đạt các quy chuẩn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 27/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – giá trị cho phép tại nơi làm việc.

* Nước thải: Không phát sinh nước thải sản xuất. Nước thải sinh hoạt sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, mức B, giá trị C_{max} với hệ số $K = 1,2$. Nâng cấp khi lưu lượng nước thải phát sinh vượt công suất thiết kế của hệ thống hiện tại.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở: Sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải

~~- Chất thải rắn và chất thải nguy hại. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.~~

+ Cam kết các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Cam kết sẽ thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó khi xảy ra sự cố môi trường.

- Cam kết phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác giữ gìn trật tự an ninh xã hội, tham gia vào các phong trào do địa phương phát động,...

- Cam kết lập hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường nếu dự án có thay đổi về quy mô công suất, loại hình sản xuất, thay đổi công nghệ xử lý.

- Cam kết bồi thường thiệt hại cho các cơ sở lân cận khi có sự cố xảy ra và ảnh hưởng tới các cơ sở đó.

- Cam kết thực hiện đúng và đủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã đề ra trong báo cáo./.

PHỤ LỤC

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở theo quy định của pháp luật.
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; các giấy phép môi trường thành phần.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HẢI DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0800161870

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 11 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 15 tháng 03 năm 2019

(Công ty được chuyển đổi và đổi tên từ Doanh nghiệp tư nhân vận tải Hữu Hùng)

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HỮU HÙNG**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Thượng Đổ, Xã Thượng Vũ, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0220.729629

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: **NGUYỄN HỮU HÙNG**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *08/11/1971*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *141446112*

Ngày cấp: *27/10/2011*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hải Dương*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn giữa, Xã Cổ Dũng, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn giữa, Xã Cổ Dũng, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/11/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 141446112

Ngày cấp: 27/10/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn giữa, Xã Cổ Dũng, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn giữa, Xã Cổ Dũng, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Huy Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1460/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 25 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
Dự án Cơ sở sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải của Công ty
TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng
(điều chỉnh lần thứ nhất)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 678/BC-KHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2019 và Hồ sơ dự án đầu tư kèm theo của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận Nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HỮU HÙNG,

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0800161870, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 15 tháng 3 năm 2019; cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Thượng Đổ, xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; điện thoại: 0220.3729629.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Ông NGUYỄN HỮU HÙNG; sinh ngày: 08 tháng 11 năm 1971; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam;

Chứng minh nhân dân số: 141446112, ngày cấp: 27 tháng 10 năm 2011, nơi cấp:
Công an tỉnh Hải Dương.

Chức danh: Giám đốc.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Giữa, xã Cồ
Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **CƠ SỞ SẢN XUẤT BAO BÌ CARTON VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI.**

2. Mục tiêu dự án: Xây dựng Cơ sở sản xuất bao bì carton, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho chứa hàng.

3. Quy mô dự án:

3.1. Sản xuất bao bì carton 2.000 tấn/năm.

3.2. Dịch vụ vận tải hàng hóa 2.400 tấn/năm.

3.3. Cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho chứa hàng, tổng diện tích cho thuê 1.471,0 m².

4. Địa điểm thực hiện dự án: Phía Bắc Quốc lộ 5, xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

5. Diện tích đất sử dụng: 8.035,0 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 048293 do UBND tỉnh Hải Dương cấp cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng ngày 23 tháng 01 năm 2018).

6. Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án.

7. Tổng vốn đầu tư dự án: 20.460.770.000 VND (Hai mươi tỷ, bốn trăm sáu mươi triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng); trong đó:

7.1. Vốn tự có của nhà đầu tư để thực hiện dự án: 16.127.770.000 VND;

7.2. Vốn vay để thực hiện dự án: 4.333.000.000 VND.

8. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 18 tháng 4 năm 2036 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 048293 do UBND tỉnh Hải Dương cấp Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng ngày 23 tháng 01 năm 2018).

9. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Dự án đã đi vào hoạt động.

Điều 2. Các điều kiện đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung quy định tại Điều 1 nêu trên; tuân thủ quy định pháp luật về đất đai, xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển

khai thực hiện dự án đầu tư; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chỉ thực hiện cho thuê tài sản gắn liền với đất (văn phòng, nhà xưởng và kho chứa hàng) đã được tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

Điều 3. Thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương đầu tư

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến khi dự án chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định này thay thế Quyết định chủ trương đầu tư số 2553/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Kim Thành; Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng căn cứ quyết định thi hành. / *HLN*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh (đ/c Quang Hải);
- UBND xã Thượng Vũ (huyện Kim Thành);
- CV Văn phòng UBND tỉnh (đ/c Hoàn);
- Lưu: VT, TH, CV. Hùng (25b) *HLN*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Đức Sáng

UBND HUYỆN KIM THÀNH
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/BB-TNMT

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 05 phút, ngày 21 tháng 8 năm 2024.

Tại: Công ty TNHH SX và TM Hữu Hùng, địa chỉ xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

THÀNH PHẦN GỒM:

I. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kim Thành:

- Bà Bùi Thị Nhung - Chuyên viên.

II. Thành phần mời tham gia: Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện.

- Ông Nguyễn Văn Tùng - Phó GD.

- Bà Nguyễn Thị Thu - Cụm trưởng cụm thủy nông.

- Bà Nguyễn Thị Hòa - cán bộ kỹ thuật.

III. UBND xã Thượng Vũ

- Ông Tạ Văn Trọng - Phó Chủ tịch.

- Ông Phạm Hùng - Công chức ĐC-NN-XD và MT xã..

IV. Công ty TNHH SX và TM Hữu Hùng:

- ông Nguyễn Hữu Hùng - Giám đốc.

NỘI DUNG LÀM VIỆC

Căn cứ Công văn số 3731/UBND-NN ngày 08/8/2024 của UBND huyện Kim Thành về việc xử lý vi phạm công trình thủy lợi trên địa bàn huyện.

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện và UBND các xã Thượng Vũ tổ chức buổi làm việc với Công ty TNHH SX và TM Hữu Hùng đang hoạt động sản xuất xả thải ra hệ thống kênh dẫn trên địa bàn huyện, nội dung cụ thể như sau:

1. Công ty báo cáo:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800161870 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2005, thay đổi lần thứ 7 ngày 15/3/2019.

- Quyết định chủ trương đầu tư số 1460/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của UBND tỉnh dự án cơ sở sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải của công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng. Ngành nghề: cơ sở sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải.

- Hiện công ty đang hoạt động gia công bia carton. Công ty không sử dụng nước để sản xuất, chỉ có nước sinh hoạt của công nhân.

- Số lượng công nhân: 52, có tổ chức nấu ăn cho công nhân.

- Theo hóa đơn tiền nước 3 tháng gần đây cho thấy trung bình 1 ngày công ty sử dụng khoảng 4m³/ngày đêm.
- Hiện tại Công ty đã liên hệ đơn vị tư vấn để hoàn thiện hồ sơ giấy phép môi trường trình cơ quan có thẩm quyền về duyệt.
- Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, nước thải sinh hoạt của công ty được thu gom, đưa về hệ thống xử lý nước thải sau đó thải ra mương thoát nước chung.

2. Kết quả kiểm tra:

Qua kiểm tra cho thấy, Nước thải của Công ty thoát kênh tiêu do địa phương quản lý sau đó chảy ra sông Nguyễn Văn Bé.

3. Ý kiến Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện.

Hiện Công ty xả thải 4 m³/ngày đêm, không phải xin cấp phép xả thải.

4. Ý kiến của UBND xã Thượng Vũ.

Đề nghị Công ty chấp hành các quy định của pháp luật về môi trường và các quy định của pháp luật.

5. Nhận xét, kết luận:

5.1. Yêu cầu Công ty.

- Liên hệ các cơ quan chức năng hoàn thiện hồ sơ GPMT.
- Quá trình hoạt động phải đảm bảo các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, xả thải.

5.2. Đối với UBND xã: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các Công ty.

Biên bản gồm 02 trang, được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản. Biên bản kết thúc vào hồi 9 giờ 10 phút cùng ngày, lập xong đọc lại các bên cùng nghe và nhất trí ký tên dưới đây./.

XÍ NGHIỆP KTCT THỦY LỢI

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MT
HUYỆN KIM THÀNH

[Signature]
Nguyễn Văn Tiến

[Signature]
 Bùi Thị Nhung

CÔNG TY TNHH SX VÀ TM

UBND XÃ THƯỢNG VŨ



[Signature]
 GIÁM ĐỐC
 NGUYỄN HỮU HÙNG

[Signature]

PC: Tạ Văn Tiến



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2450/QĐ-UBND.

Kim Thành, ngày 25 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Cơ sở sản xuất bao bì Carton và dịch vụ vận tải doanh nghiệp tư nhân vận tải Hữu Hùng tại xã Thượng Vũ huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN KIM THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính Phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2010 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phân cấp quản lý trong các lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 32/TTr-KT&HT ngày 25 tháng 5 năm 2011.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Cơ sở sản xuất bao bì Carton và dịch vụ vận tải doanh nghiệp tư nhân vận tải Hữu Hùng tại xã Thượng Vũ huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương với nội dung sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Cơ sở sản xuất bao bì Carton và dịch vụ vận tải doanh nghiệp tư nhân vận tải Hữu Hùng tại xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

2. Địa điểm quy hoạch: xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

3. Chủ đầu tư: Doanh nghiệp tư nhân vận tải Hữu Hùng.

4. Tư vấn thiết kế quy hoạch: Công ty CP tư vấn kiến trúc xây dựng Sơn Dương.

- Chủ nhiệm đồ án: KS Nguyễn Hoàng Sơn.

5. Vị trí quy hoạch: xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Phía Bắc giáp ruộng khu canh tác;

- Phía Nam giáp công ty doanh nghiệp tư nhân Tân Phú;

- Phía Đông giáp công ty TNHH thức ăn chăn nuôi NANXI;

- Phía Tây giáp đường giao thông nông thôn WB2.

6. Phương án quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Cơ sở sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải doanh nghiệp tư nhân vận tải Hữu Hùng.

- Tổng diện tích quy hoạch: 8.035.0 m².

Trong đó cơ cấu sử dụng đất như sau:

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng	3.906.0	48.61

		3.214.0	40.00
2	Đất làm sân bãi, giao thông nội bộ	915.0	11.39
3	Đất cây xanh, ao chứa nước	8.035.0	100
	Tổng diện tích QH		

7. Hạ tầng kỹ thuật:

a) San nền:

- Để tránh ngập úng cho toàn bộ khu vực và dựa trên điều kiện hiện trạng, tôn cao nền toàn bộ theo cao độ đường và khối lượng san lấp: 10.043 m³.

b) Hệ thống giao thông:

- Được bố trí liên hoàn, khép kín, đường giao thông nội bộ bảo các loại xe PCCC đi lại dễ dàng và liên hệ chặt chẽ với giao thông bên ngoài qua cổng vào.

c) Cấp nước:

- Nước được lấy từ nguồn cấp nước của xã.
 - Cấp nước đến cơ sở bằng hệ thống đường ống tráng kẽm D40.
 - Cấp nước sinh hoạt và cứu hoả hệ thống ống tráng kẽm D60, D32.

d) Thoát nước mưa:

- Thoát nước thải nội bộ trong hệ thống khuôn viên nhà máy, được chảy vào hố ga rồi chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực có cống ngầm.

e) Cấp điện:

- Để phục vụ cho công tác sản xuất và kinh doanh cơ sở xây dựng một trạm biến áp riêng có công suất 180 KVA. Cấp bọc PVC CU/XLPE/PVC 3x95+1x50 mm², cung cấp điện cho sinh hoạt bằng hệ thống cáp ngầm PVCCU/XLPE/PVC 4x10 mm², cáp chiếu sáng PVCCU/XLPE/PVC 2x10 mm².

f) Vệ sinh môi trường:

- Rác thải tổ chức thu gom và phân loại chất rắn trước khi đưa tiêu huỷ rác thải, đảm bảo thu gom hết lượng rác trong ngày.

* Thông tin liên lạc: Đảm bảo đạt đủ số lượng máy phục vụ thông tin.

* Các vấn đề khác:

Trong quá trình đầu tư xây dựng phải được xây dựng đúng như nội dung bản vẽ và thuyết minh quy hoạch.

Điều 2: Giao UBND xã Thượng Vũ phối hợp với Công ty CP tư vấn kiến trúc xây dựng Sơn Dương công bố quy hoạch cho các đơn vị, các nhân liên quan để biết thực hiện, chỉ đạo xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt và quản lý quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên & Môi trường, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND xã Thượng Vũ và Doanh nghiệp tư nhân Vạn Tải Hữu Hùng căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Như điều 3;
- Lưu VP.



Nguyễn Hữu Tiến

Chứng minh nhân dân số: 141446112, ngày cấp: 27 tháng 10 năm 2011, nơi cấp:
Công an tỉnh Hải Dương.

Chức danh: Giám đốc.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Giũa, xã Cổ
Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **CƠ SỞ SẢN XUẤT BAO BÌ CARTON VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI.**

2. Mục tiêu dự án: Xây dựng Cơ sở sản xuất bao bì carton, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho chứa hàng.

3. Quy mô dự án:

3.1. Sản xuất bao bì carton 2.000 tấn/năm.

3.2. Dịch vụ vận tải hàng hóa 2.400 tấn/năm.

3.3. Cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho chứa hàng, tổng diện tích cho thuê 1.471,0 m².

4. Địa điểm thực hiện dự án: Phía Bắc Quốc lộ 5, xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

5. Diện tích đất sử dụng: 8.035,0 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 048293 do UBND tỉnh Hải Dương cấp cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng ngày 23 tháng 01 năm 2018).

6. Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án.

7. Tổng vốn đầu tư dự án: 20.460.770.000 VND (Hai mươi tỷ, bốn trăm sáu mươi triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng); trong đó:

7.1. Vốn tự có của nhà đầu tư để thực hiện dự án: 16.127.770.000 VND;

7.2. Vốn vay để thực hiện dự án: 4.333.000.000 VND.

8. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 18 tháng 4 năm 2036 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 048293 do UBND tỉnh Hải Dương cấp Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng ngày 23 tháng 01 năm 2018).

9. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Dự án đã đi vào hoạt động.

Điều 2. Các điều kiện đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung quy định tại Điều 1 nêu trên; tuân thủ quy định pháp luật về đất đai, xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển

khai thực hiện dự án đầu tư; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chỉ thực hiện cho thuê tài sản gắn liền với đất (văn phòng, nhà xưởng và kho chứa hàng) đã được tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

Điều 3. Thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương đầu tư

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến khi dự án chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định này thay thế Quyết định chủ trương đầu tư số 2553/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Kim Thành; Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng căn cứ quyết định thi hành. / *HLH*

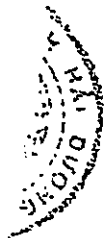
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh (đ/c Quang Hải);
- UBND xã Thượng Vũ (huyện Kim Thành);
- CV Văn phòng UBND tỉnh (đ/c Hoàn);
- Lưu: VT, TH, CV. Hùng (25b) *iv*

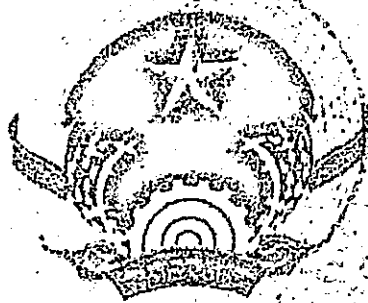
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Wang Đức Sáng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng

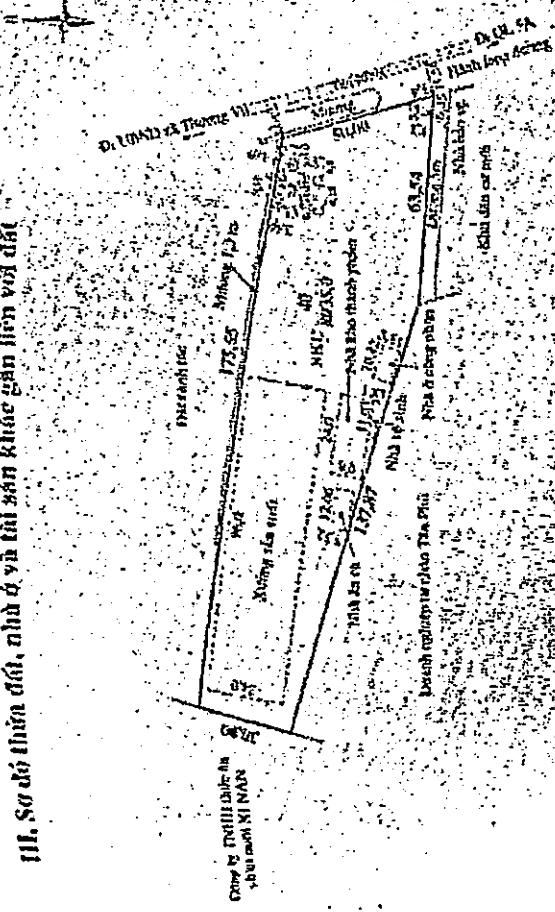
GCNDKDN số: 0800161870 do Phòng ĐKKD-Sở KH&ĐT tỉnh Hải Dương cấp

Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/4/2017.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Thương Đô, xã Thương Vũ, huyện Kim Thành,
tỉnh Hải Dương.

CL 048293

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

- 1. Thửa đất:
 - a) Thửa đất số: 40
 - b) Tô bản số: 13
 - c) Xã: Thương Vỹ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
 - d) Diện tích: 802x0 m²
 - e) Diện tích: Tầm nghĩa không làm ba mươi năm một vuông
- đ) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- e) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
- c) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 18/4/2030
- g) Người gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
- 2. Nhà ở: -/-
- 3. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục công trình	DTXD (m ²)	DT sàn hoặc CS	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	TÍNH
Xưởng sản xuất	2.304,0	2.304,0	Sở hữu riêng	III	-
Nhà kho thành phẩm	216,0	216,0	Sở hữu riêng	III	-
Nhà ăn ca	64,0	64,0	Sở hữu riêng	IV	-
Nhà ở công nhân	55,0	55,0	Sở hữu riêng	IV	-
Nhà bếp vệ	18,0	18,0	Sở hữu riêng	IV	-
Nhà vệ sinh	20,0	20,0	Sở hữu riêng	IV	-
Nhà điều hành - (3)	117,5	404,3	Sở hữu riêng	IV	-

4. Ghi chú:

Nội dung thay đổi và chi số pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	

Hải Dương, ngày 13 tháng 01 năm 2019

TM ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ANH CƯỜNG

Kim Thành, ngày 20 tháng 6 năm 2011

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 12.39/GPXD.

Công trình: Cơ sở sản xuất bao bì Carton và dịch vụ vận tải
xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

1. Cấp cho: Doanh nghiệp tư nhân vận tải Hữu Hùng

- Người đại diện: ông Nguyễn Hữu Hùng Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: Xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại: 0915.090.003

2. Được phép xây dựng công trình: Cơ sở sản xuất bao bì Carton và dịch vụ vận tải xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Thiết kế kỹ thuật xây dựng do Công ty Cổ phần tư vấn kiến trúc xây dựng Sơn Dương lập.

Gồm các nội dung sau đây:

*** Nhà Điều hành**

- Loại cấp công trình: Cấp IV
- Diện tích sàn xây dựng tầng 1: 122m².
- Tổng diện tích sàn: 366 m².
- Chiều cao công trình: 14,66 m (cả tầng mái). Số tầng: 3 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: 0,50 m so với mặt sân.
- Chỉ giới xây dựng: Trong khuôn viên của dự án (vị trí theo quy hoạch chi tiết)
- Màu sắc công trình: Theo chỉ định thiết kế.

*** Nhà xưởng sản xuất:**

- Loại cấp công trình: Cấp III
- Diện tích sàn xây dựng tầng 1: 2.304m².
- Tổng diện tích sàn: 2.304 m².
- Chiều cao công trình: 10,48m. Số tầng: 1 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: bằng cốt mặt sân.
- Chỉ giới xây dựng: Trong khuôn viên của dự án (vị trí theo quy hoạch chi tiết)
- Màu sắc công trình: Theo chỉ định thiết kế.

*** Nhà Kho**

- Loại cấp công trình: Cấp III
- Tổng diện tích sàn: 960 m².
- Chiều cao công trình: 10,48m. Số tầng: 1 tầng
- Cốt nền xây dựng công trình: bằng cốt mặt sân.
- Chỉ giới xây dựng: Trong khuôn viên của dự án (vị trí theo quy hoạch chi tiết)
- Màu sắc công trình: Theo chỉ định thiết kế.

*** Các hạng mục phụ trợ:**

Nằm trong khuôn viên của dự án gồm: Nhà kho thành phẩm, nhà ăn ca công nhân, nhà ở công nhân, nhà bảo vệ + thường trực lái xe, nhà vệ sinh công cộng (các hạng mục phụ trợ xây dựng theo như trong hồ sơ thiết kế xin phép xây dựng).

Trên lô đất dự án xây dựng: Cơ sở sản xuất bao bì Carton và dịch vụ vận tải xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có tổng diện tích quy hoạch: 8.025 m². (Đã được UBND huyện Kim Thành phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh chi tiết tại Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 25/05/2011).

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1661; 1663; 02 tờ bản đồ số 10; 13 tổng diện tích: 8.025 m². Khu đất thuộc xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

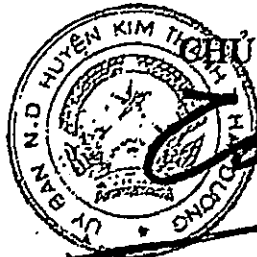
3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

Nơi nhận: *[Signature]*

- Như trên,
- Lưu:



Nguyễn Hữu Tiến

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/GXN- UBND

Kim Thành, ngày 14 tháng 8 năm 2009

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Dự án: Xây dựng cơ sở dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ và sản xuất sản phẩm cơ khí tại xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ văn bản đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của chủ dự án;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện,

**CHỦ TỊCH UBND HUYỆN KIM THÀNH
XÁC NHẬN:**

Điều 1. Chủ dự án là ông Nguyễn Hữu Hùng đã có văn bản đề nghị nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường ngày 12 tháng 8 năm 2009 của dự án "Xây dựng cơ sở dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ và sản xuất sản phẩm cơ khí tại xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương".

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường đã được nêu trong bản Cam kết bảo vệ môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Công khai với nhân dân và người lao động tại cơ sở về tình hình môi trường, các biện pháp phòng ngừa sự cố, hạn chế tác động đối với môi trường tại cơ sở.

2. Thực hiện nghiêm các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã nêu trong Cam kết bảo vệ môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện các hạng mục công trình và khi hoàn thành các hạng mục công trình về bảo vệ môi trường, chủ dự án phải có báo cáo bằng văn bản gửi về cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra và giám sát thực hiện (*những thay đổi bổ sung chỉ được phép thực hiện khi có ý kiến chính thức bằng Văn bản của Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường*).

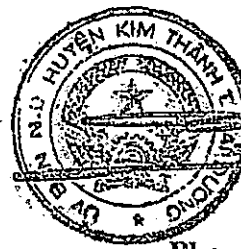
Điều 3. Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án và Giấy xác nhận này là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

Điều 4. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện;
- UBND xã Thượng Vũ;
- Chủ dự án;
- Lưu VP.

CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Núi

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH HẢI DƯƠNG
Số: 37/TĐ-PCCC (2013)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004
In năm 2010

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 910V-DNHH ngày 10/.../6/...2013 của: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VĂN TÀI HỮU HÙNG
Người đại diện là ông/ bà: NGUYỄN HỮU HÙNG Chức danh CHỦ DOANH NGHIỆP
(1) PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH

CHỨNG NHẬN:

(2) Công trình: CƠ SỞ SẢN XUẤT BAO BÌ CARTON VÀ DỊCH VỤ VĂN TÀI
Địa điểm: Xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VĂN TÀI HỮU HÙNG
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI VŨ LONG
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:
- Tổng mặt bằng xây dựng, hệ thống giao thông, khoảng cách an toàn PCCC;
- Bức chịu lửa của công trình, lối và đường thoát nạn;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường;
- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống điện, hệ thống chống sét;
- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Các bình chữa cháy ban đầu.....theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) 1- Đường giao thông cho xe chữa cháy hoạt động phải chạy dọc được về hai phía nhà xưởng sản xuất và nhà kho nguyên liệu, mặt đường có chiều rộng lớn hơn 3,5 m; cửa đi trên lối và đường thoát nạn là cửa có cánh kiểu bản lề mở ra phía ngoài nhà.....
2- Máy bơm chữa cháy dự phòng động cơ diesel phải có chức năng khởi động tự động và bằng tay; bể dự trữ nước chữa cháy có khối tích lớn hơn 650 m³.....
3- Thông báo Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH kiểm tra thi công, nghiệm thu PCCC công trình theo quy định

Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2013.....

(4) TL. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
TRƯỞNG PHÒNG



ĐẠI TÁ NGUYỄN DANH THUY

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH**

Số: 22 /QĐ-XPVPHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kim Thành, ngày 12 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính (Sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính từ số 10/BB-VPHC lập ngày 05/01/2023 của Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-GQXP ngày 11/01/2022 về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính cho Phó Chủ tịch UBND huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Tên tổ chức vi phạm: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hưng.

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Thượng Đổ, xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Mã số doanh nghiệp: 0800161870.

- Số đăng ký doanh nghiệp số 0801226087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 01/11/2005 (thay đổi lần thứ 7 ngày 15/3/2019).

- Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Hùng; Sinh năm 1971; Giới tính: Nam; Thường trú tại: Thôn Giữa, xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; Số CMND: 141446112.

- Chức danh: Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường theo quy định.

3. Quy định tại: điểm c, khoản 2, Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

5. Các tình tiết tăng nặng: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Cụ thể: Mức tiền phạt là: **65.000.000** đồng (viết bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu đồng).

b) Hình thức phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của cơ sở trong thời gian 4,5 tháng.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Nguyễn Hữu Hùng - Giám đốc Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng là tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng phải nộp tiền phạt tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Kim Thành – Hải Dương II (Địa chỉ: Thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương), trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt.

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Kim Thành – Hải Dương II để thu tiền phạt.

3. Gửi cho các cơ quan, đơn vị: Văn phòng HĐND - UBND huyện, phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Thượng Vũ để tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: Hồ sơ.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Viết Tuấn

Quyết định đã giao trực tiếp cho..... là người đại diện của tổ chức bị xử phạt vào hồi..... giờ..... phút, ngày

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND HUYỆN KIM THÀNH
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/BB-TNMT

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 05 phút, ngày 21 tháng 8 năm 2024.

Tại: Công ty TNHH SX và TM Hữu Hùng, địa chỉ xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

THÀNH PHẦN GỒM:

I. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kim Thành:

- Bà Bùi Thị Nhung - Chuyên viên.

II. Thành phần mời tham gia: Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện.

- Ông Nguyễn Văn Tùng - Phó GD.

- Bà Nguyễn Thị Thu - Cụm trưởng cụm thủy nông.

- Bà Nguyễn Thị Hòa - cán bộ kỹ thuật.

III. UBND xã Thượng Vũ

- Ông Tạ Văn Trọng - Phó Chủ tịch.

- Ông Phạm Hùng - Công chức ĐC-NN-XD và MT xã..

IV. Công ty TNHH SX và TM Hữu Hùng:

- ông Nguyễn Hữu Hùng - Giám đốc.

NỘI DUNG LÀM VIỆC

Căn cứ Công văn số 3731/UBND-NN ngày 08/8/2024 của UBND huyện Kim Thành về việc xử lý vi phạm công trình thủy lợi trên địa bàn huyện.

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện và UBND các xã Thượng Vũ tổ chức buổi làm việc với Công ty TNHH SX và TM Hữu Hùng đang hoạt động sản xuất xả thải ra hệ thống kênh dẫn trên địa bàn huyện, nội dung cụ thể như sau:

1. Công ty báo cáo:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800161870 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2005, thay đổi lần thứ 7 ngày 15/3/2019.

- Quyết định chủ trương đầu tư số 1460/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của UBND tỉnh dự án cơ sở sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải của công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng. Ngành nghề: cơ sở sản xuất bao bì carton và dịch vụ vận tải.

- Hiện công ty đang hoạt động gia công bia carton. Công ty không sử dụng nước để sản xuất, chỉ có nước sinh hoạt của công nhân.

- Số lượng công nhân: 52, có tổ chức nấu ăn cho công nhân.

- Theo hóa đơn tiền nước 3 tháng gần đây cho thấy trung bình 1 ngày công ty sử dụng khoảng 4m³/ngày đêm.
- Hiện tại Công ty đã liên hệ đơn vị tư vấn để hoàn thiện hồ sơ giấy phép môi trường trình cơ quan có thẩm quyền về duyệt.
- Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, nước thải sinh hoạt của công ty được thu gom, đưa về hệ thống xử lý nước thải sau đó thải ra mương thoát nước chung.

2. Kết quả kiểm tra:

Qua kiểm tra cho thấy, Nước thải của Công ty thoát kênh tiêu do địa phương quản lý sau đó chảy ra sông Nguyễn Văn Bé.

3. Ý kiến Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện.

Hiện Công ty xả thải 4 m³/ngày đêm, không phải xin cấp phép xả thải.

4. Ý kiến của UBND xã Thượng Vũ.

Đề nghị Công ty chấp hành các quy định của pháp luật về môi trường và các quy định của pháp luật.

5. Nhận xét, kết luận:

5.1. Yêu cầu Công ty.

- Liên hệ các cơ quan chức năng hoàn thiện hồ sơ GPMT.
- Quá trình hoạt động phải đảm bảo các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, xả thải.

5.2. Đối với UBND xã: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các Công ty.

Biên bản gồm 02 trang, được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản. Biên bản kết thúc vào hồi 9 giờ 10 phút cùng ngày, lập xong đọc lại các bên cùng nghe và nhất trí ký tên dưới đây./.

XÍ NGHIỆP KTCT THỦY LỢI

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MT
HUYỆN KIM THÀNH

[Signature]
Nguyễn Văn Tiến

[Signature]
Trần Thị Nhung

CÔNG TY TNHH SX VÀ TM

UBND XÃ THƯỢNG VŨ



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HỮU HÙNG

[Signature]

PC: Tạ Văn Tiến



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ
CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI**
Số: *52.2/...*/2024/HĐCN/URENCO11

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2024, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hữu Hùng
Địa chỉ : Thôn Thượng Đỗ, xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
Mã số thuế : 0800161870
Đại diện : Ông Nguyễn Hữu Hùng Chức vụ: Giám đốc
Tài khoản : 46010001085359 tại Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương

Bên B: Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - URENCO11
Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0221 3 999 072 Fax: 0221 3 981 489
Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Tiến Chức vụ: Giám đốc
Mã số thuế: 0900291087
Tài khoản số: 19129984688699, mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- CN Hưng Yên

Hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng này với những điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. Chúng loại chất thải và đơn giá xử lý

Người lập: *Trịnh Thị Hạnh*

Trang 1

Hợp đồng Urenco11-SXTM Hữu Hùng

1870.
3 TY
H.H
TRƯỜNG
CÔNG
HẢI DƯƠNG

- 1.1. Bên A đồng ý chuyển giao và Bên B đồng ý thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của Bên A theo danh mục được liệt kê trong Phụ lục đính kèm và là một phần không tách rời của Hợp đồng này.
- 1.2. Khối lượng của từng loại chất thải được xác nhận theo nhật ký vận chuyển thực tế theo từng đợt thu gom tại địa điểm thu gom của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.
- 1.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh chất thải khác thì hai Bên sẽ lập bổ sung thêm phụ lục Hợp đồng cho từng loại chất thải phát sinh.
- 1.4. Đơn giá xử lý của từng loại chất thải được thể hiện trong Phụ lục hợp đồng đính kèm và có thể thay đổi theo giá cả thị trường. Khi có đề xuất thay đổi Bên B phải gửi công văn cho Bên A để hai bên bàn bạc, thống nhất. Mọi sự thay đổi về giá theo thỏa thuận, hai Bên sẽ thống nhất trong các phụ lục Hợp đồng.

Điều 2. Đặc tính, địa điểm, thời gian giao nhận và phương tiện vận chuyển

- 2.1. Đặc tính chất thải: Bao gồm các loại chất thải công nghiệp nguy hại và không nguy hại với đặc tính và trạng thái chi tiết theo phụ lục đính kèm.
- 2.2. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho chứa chất thải của bên A địa chỉ: Thôn Thượng Đổ, xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.
- 2.3. Thời gian giao nhận: Bên A thông báo thời gian giao nhận chất thải cho Bên B trước ít nhất 01 ngày để bên B có thời gian chuẩn bị phương án thu gom, phương tiện vận chuyển.
- 2.4. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp chất thải vào phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh của bên B để vận chuyển chất thải theo quy định của Bên A và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thanh toán và thời hạn thanh toán

- 3.1 Điều khoản thanh toán
 - a. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B dựa trên hóa đơn tài chính và biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai Bên mỗi tháng một lần hoặc theo từng đợt phát sinh căn cứ vào thỏa thuận của hai bên.
 - b. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B sau khi Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.
- 3.2 Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ tiến hành thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi Bên

4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

- a. Bên A hoàn tất các thủ tục cần thiết khác một cách nhanh chóng, tạo thuận lợi cho Bên B vào và thu gom, vận chuyển chất thải ra khỏi nhà máy Bên A.
- b. Chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các loại chất thải không giao cho Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.
- c. Chất thải công nghiệp nguy hại phải được kiểm soát từ nguồn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bên A có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn và lưu chứa theo đúng quy định, đảm bảo thành phần chất thải công nghiệp nguy hại như đã thông báo với Bên B. Chịu trách nhiệm lập chứng từ chất thải nguy hại cho mỗi lần bàn giao. Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo cho bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh đơn giá phù hợp.
- d. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B theo các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.
- e. Trong thời gian ký hợp đồng với Bên B, Bên A không được ký hợp đồng xử lý chất thải với bất kỳ bên thứ ba nào khác.
- f. Bên A được phép kiểm tra bất cứ quá trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại của Bên A mà Bên B tiến hành xử lý.
- g. Bên A được quyền yêu cầu Bên B bồi thường trong trường hợp Bên B gây ra thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và pháp luật liên quan.

4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

- a. Phải tuân thủ những chính sách, quy định nội bộ của Bên A, như chính sách môi trường, các quy định liên quan khác và chỉ dẫn của người phụ trách Bên A trong suốt quá trình làm việc ở nhà máy của Bên A.
- b. Cung cấp cho Bên A toàn bộ hồ sơ năng lực đủ điều kiện hành nghề thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.
- c. Chịu chi phí chuyên chở và bốc xếp, chọn lựa và vận chuyển đúng chủng loại chất thải nguy hại và chi phí cân điện tử (nếu có) theo hợp đồng đã được ký.
- d. Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A. Không để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Nếu để chất thải rò rỉ, phát tán ra môi trường, Bên B phải chịu trách nhiệm, chi phí xử lý.
- e. Bên B có trách nhiệm đảm bảo khối lượng chất thải nguy hại được thu gom, nhận chuyển giao từ Bên A không vượt quá công suất xử lý và khối lượng được cấp phép trong giấy phép môi trường của Bên B.
- f. Bên B phải đảm bảo tất cả phương tiện vận chuyển của bên B đủ tiêu chuẩn vận chuyển chất thải theo quy định của Nhà Nước.

- g. Bên B phải hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại và bàn giao lại cho Bên A ngay sau khi chất thải nguy hại được xử lý theo quy định.
- h. Trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng này, Bên B phải luôn đảm bảo có và duy trì các loại giấy phép do cơ quan nhà nước cấp liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật hiện hành. Nếu Bên B bị thu hồi giấy phép hoặc bị đình chỉ việc sử dụng giấy phép hoặc tạm dừng việc cấp phép mới hoặc đổi mới phát sinh trong trường hợp theo quy định mới của pháp luật đặt ra thì Bên A có quyền đơn phương dừng hợp đồng mà không cần sự đồng ý của Bên B.

Điều 5. Thực thi hợp đồng

- 5.1 Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên. Trong trường hợp phát sinh công việc không nằm trong nội dung của hợp đồng thì hai Bên cùng thỏa thuận bàn bạc thống nhất và lập thành phụ lục bổ sung cho hợp đồng này.
- 5.2 Hợp đồng sẽ không còn hiệu lực trong các trường hợp sau:
- Hết hạn hợp đồng.
 - Khi có bất kỳ thay đổi nào của pháp luật Việt Nam hoặc có quyết định của các cấp có thẩm quyền cho rằng hợp đồng này không có giá trị thực hiện.
 - Bên A hoặc Bên B ngừng sản xuất hoặc phá sản.
 - Bên A hoặc Bên B có liên quan đến bất kỳ một vụ việc vi phạm pháp luật nào.
 - Bên B bán cơ sở kinh doanh cho bên thứ 3, Bên B đổi chủ sở hữu hoặc chuyển quyền hợp đồng cho bên thứ 3 mà chưa được sự cho phép của Bên A bằng văn bản.
- 5.3 Ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng trong khoản 5.2 điều này; trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên nào muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước một (01) tháng bằng văn bản cho Bên kia.

Điều 6. Giải quyết tranh chấp

- 6.1 Hợp đồng này được điều chỉnh bởi các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 6.2 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh về các điều khoản của hợp đồng, đầu tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau trong vòng 30 ngày. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Chi phí tố tụng của các Bên, bao gồm cả chi phí hợp lý thuê luật sư, sẽ do Bên thua kiện chi trả.

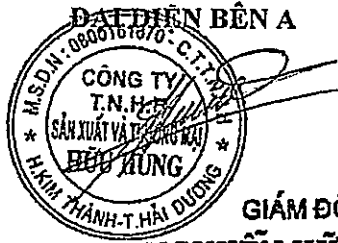
Điều 7. Những điều khoản khác

- 7.1 Hợp đồng này có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký

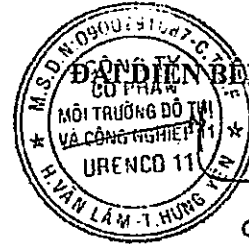
7.2 Trong trường hợp một hoặc nhiều Điều, khoản, điểm trong hợp đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định hiện hành của pháp luật thì các Điều, khoản, điểm khác của hợp đồng này vẫn có hiệu lực thi hành đối với hai Bên.

7.3 Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên.

Hợp đồng giữa hai bên được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau (mỗi Bên giữ 02 bản).



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HỮU HÙNG



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Tiến

M.S.D.
H. KHIM THÁNH - T. HẢI DƯƠNG

M.S.D.
H. KHIM THÁNH - T. HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 01

Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: ... 522/2024/HĐCN/URENCO11 ký ngày 01 tháng 03 năm 2024. Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2024, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hữu Hùng
Địa chỉ: Thôn Thượng Đổ, xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
Mã số thuế: 0800161870
Đại diện: Ông Nguyễn Hữu Hùng Chức vụ: Giám đốc
Tài khoản: 46010001085359 tại Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương

Bên B: Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - URENCO11
Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0221 3 999 072 Fax: 0221 3 981 489
Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Tiến Chức vụ: Giám đốc
Mã số thuế: 0900291087

Tài khoản số: 19129984688699, mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- CN Hưng Yên

Hai bên thống nhất ký kết một phụ lục hợp đồng theo các điều khoản sau:

Danh mục chất thải nguy hại và đơn giá xử lý (Đơn giá chưa bao gồm VAT)

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Phương pháp
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	01Kg	7.000	Theo quy định
2	Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	01Kg	7.000	Theo quy định
3	Bao bì mềm thải nhiễm TPNH	18 01 01	01Kg	7.000	Theo quy định
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa TPNH	18 01 02	01Kg	7.000	Theo quy định
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa TPNH	18 01 03	01Kg	7.000	Theo quy định
6	Dầu thải	17 02 03	01Kg	7.000	Theo quy định
7	Pin, ắc quy thải	16 01 12	01Kg	7.000	Theo quy định

• Người lập: Trịnh Thị Hạnh

Trang 6

Hợp đồng Urenco11 - SXTM Hữu Hùng



8	Hộp mực in thái	08 02 04	01Kg	7.000	Theo quy định
9	Linh kiện điện tử thái	15 01 09	01Kg	7.000	Theo quy định
10	Bóng đèn huỳnh quang thái	16 01 06	01Kg	7.000	Theo quy định
11	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thái	17 02 03	01 Kg	7.000	Theo quy định
12	Bùn thái	12 06 05	01 Kg	7.000	Theo quy định
13	Chất thải công nghiệp thông thường		01Kg	7.000	Theo quy định
14	Sơn thái	08 01 01	01 Kg	7.000	Theo quy định
15	Chi phí vận chuyển		01 Chuyến	3.000.000	Theo quy định

Ghi chú:

- Đơn giá trọn gói của Hợp đồng này là 10.000.000vnd (Chưa bao gồm thuế VAT), Bên B tiến hành thu gom vận chuyển và xử lý cho bên A 01 chuyến. Nếu khối lượng chất thải thực tế thu gom khi nhân với đơn giá ở bảng trên lớn hơn 10.000.000vnd thì bên A phải chịu chi phí như bảng trên.

Bên A tạm ứng trước cho bên B số tiền là 11.000.000 vnd (Đã bao gồm thuế VAT) để đảm bảo tính hiện thực của Hợp đồng này. Số tiền tạm ứng trên sẽ được bên B khấu trừ vào chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của bên A.

Nếu bên A không thực hiện việc chuyển giao chất thải cho bên B xử lý thì bên B được toàn quyền sử dụng số tiền trên coi như chi phí ký kết hợp đồng.

Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 02 bản.



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HỮU HÙNG

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Biên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI

- Căn cứ HĐ thu gom vận chuyển lưu trữ và xử lý chất thải số 051/2022/SC-HH giữa Công ty Hữu Hùng và Công ty TNHH môi trường Sông Công ngày 01/10/2022.
- Căn cứ nhu cầu xử lý chất thải của bên A.

Hôm nay, ngày 20 tháng 09 năm 2023 tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng. Các bên gồm:

BÊN A (Bên giao): Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng

Địa chỉ: Thôn Thượng Đỗ - Xã Thượng Vũ - Huyện Kim Thành -- Tỉnh Hải Dương

Đại diện: Bà Nguyễn Thị Kim Dịu

Chức vụ: Nhân viên

BÊN B (Bên nhận): Công ty TNHH môi trường Sông Công

Địa chỉ: Thôn Tân Mỹ 2 – Xã Tân Quang – TP Sông Công -- Tỉnh Thái Nguyên .

Đại diện: Ông Nguyễn Văn Tân .

Chức vụ: Nhân Viên .

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng giao hàng như sau:

STT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Giẻ lau, găng tay dính TPNH	Bao	02	Khoảng 20kg
2	Bóng đèn huỳnh quang	Kg	15	
3	Phế thải kim loại	Kg	50	
4	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Kg	50	
5	Hộp mực in	Kg	05	

Bên A ký và xác nhận đã giao hàng và đủ số lượng như thỏa thuận cho bên B. Hai bên đồng ý, thống nhất cùng ký tên vào biên bản. Biên bản sẽ được lập thành 02 bản, mỗi bên có trách nhiệm giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Kí và ghi rõ họ tên)

Dịu
Nguyễn Thị Kim Dịu

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Kí và ghi rõ họ tên)

Tân
Nguyễn Văn Tân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU THANH LÝ

Hợp đồng kinh tế số: 218/2023/HĐKT/HUUHUNGPAPER-246CTC

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số: 218/2023/HĐKT/HUUHUNGPAPER-246CTC ký ngày 21/8/2023;

Căn cứ các tài liệu, sản phẩm của Hợp đồng.

Hôm nay, ngày tháng 9 năm 2023 tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng, chúng tôi gồm các bên như sau:

Bên A: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HỮU HÙNG

Địa chỉ: Thôn Thượng Đỗ, xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Đại diện: Ông Nguyễn Hữu Hùng

Chức vụ: Giám đốc.

Mã số thuế: 0800161870

Tài khoản số: 46010001085359 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam –

Chi nhánh Hải Dương

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246

Địa chỉ: Số 3, ngõ 2, xóm Mới, thôn My Hạ, xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội

Đại diện: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0246 6886 246

Mã số thuế: 0108972836

Tài khoản: 03101013831997 tại ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Đống Đa, Hà Nội.

Hai bên thống nhất nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng kinh tế số: 218/2023/HĐKT/HUUHUNGPAPER-246CTC ký ngày 21/8/2023 giữa Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng và Công ty cổ phần xây lập & tư vấn công nghệ 246 với những điều khoản như sau:

I. Khối lượng sản phẩm thực hiện:

Bên B hoàn thành công việc theo Hợp đồng kinh tế số: 218/2023/HĐKT/HUUHUNGPAPER-246CTC ký ngày 21/8/2023.



Khối lượng công việc Bên B đã hoàn thành như sau:

STT	HẠNG MỤC	ĐVT	XUẤT XỨ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	SL
A. XÂY DỰNG KHỐI BỂ XỬ LÝ (Bên A thực hiện theo tư vấn của Bên B)					
1	Xây dựng cụm bể xử lý	Lô	Việt nam	Đáy bê tông cốt thép (Phi 10) độ dày 200	1
2	Công tác đào đắp và hoàn trả mặt bằng	Bê	Việt nam	Theo thiết kế Bên B gửi Bên A	1
B. THIẾT BỊ					
B1 - Bể thu gom					
1	Song chắn rác	Cái	Việt nam	Loại: Cơ khí - Kích thước khe lọc: 5 mm - Vật liệu: SUS304	1
2	Ống xi phông tách mỡ	Bộ	Việt nam	Vật liệu: PVC	1
B3. Bể điều hoà .					
1	Bơm nước thải từ bể gom lên bể điều hoà	Cái	Taiwan	Loại: Bơm chìm - Lưu lượng: 8m ³ /giờ - Điện áp: 0.18kW/3800V/50 Hz	2
2	Hệ thống phân phối khí bể điều hoà	Hệ	Việt nam	- Đĩa cấp khí bọt thô	2
B4. Bể anoxic					
1	Hệ thống sục, đảo trộn bùn	Hệ	Việt Nam	PVC	1
B5. Bể sinh học					
1	Máy thổi khí cấp cho bể	Cái	Taiwan	- Công suất motor: 1.1 kW	2
2	Hệ thống phân phối khí cấp cho bể sinh học	Cái	USA	Loại: dạng đĩa, loại bọt tinh - Vật liệu: EPDM - Đường kính: 260 mm	6
B6. Bể lắng					
1	Bơm bùn tuần hoàn	Cái	Việt Nam	Loại: Bơm chìm - Lưu lượng: 8m ³ /giờ - Điện áp: 0.18kW/3800V/50 Hz	2
2	Ống lắng	Bộ	Việt nam	- Vật liệu: PVC	1
B7. Bể khử trùng					
1	Hộp khử trùng	Bộ	Việt Nam	- Vật liệu: PVC	1
B7. Hệ thống điện động lực & đường ống công nghệ (trong hệ thống xử lý)					
1	Tủ điều khiển và hệ thống điện	Hệ	Việt Nam & ngoại nhập	Vỏ tủ : Sơn tĩnh điện - Tuyến cáp truyền tải điện - Ống nhựa bảo vệ cáp điện	1
2	Hệ thống đường ống công nghệ	Hệ	Việt Nam & ngoại nhập	- Đường ống dẫn nước: PVC - Đường ống dẫn bùn: PVC - Đường ống dẫn khí: phân nổi STK, phân ngập nước PVC - Đường ống dẫn hóa chất: PVC	1

				- Phụ kiện: van, co, tê... phù hợp với chuẩn loại ống		
C. HÓA CHẤT VẬN HÀNH VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC						
1	Chi phí vận chuyển	Gói	Việt nam	Từ CTY đến chân công trình	1	
2	Chi phí khảo sát, thiết kế	Gói				1
3	Chi phí vật tư và thi công đường ống thu gom nước thải từ nhà ăn, nhà vệ sinh về khu vực xử lý	Gói				1
4	Vi sinh và nuôi cấy	Gói			Men, ri mật	1
5	Hóa chất vận hành chạy thử	Gói			Clo viên nén	1
6	Chi phí thi công lắp đặt	Gói			-	1
	Hướng dẫn vận hành và chuyên giao công nghệ	Gói			1	

II. Giá trị Hợp đồng và phương thức thanh toán:

- Tổng giá trị theo hợp đồng (Đã bao gồm thuế VAT 8%) là: 181.280.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng./.).

- Bên A đã tạm ứng cho bên B số tiền là: 126.895.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng./.).

- Số tiền còn lại đề nghị thanh toán là: 54.384.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tư triệu ba trăm tám mươi tư nghìn đồng).

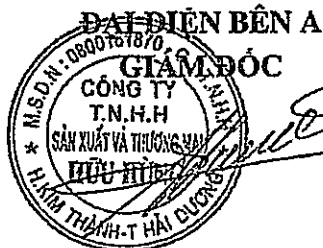
III. Điều khoản chung:

Hợp đồng kinh tế số: 218/2023/HĐKT/HUUHUNGPAPER-246CTC ký ngày 21/8/2023 tự động hết hiệu lực khi Bên A thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng cho Bên B là: 54.384.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tư triệu ba trăm tám mươi tư nghìn đồng) vào tài khoản của Bên B như sau:

+ Tên tài khoản: Công ty cổ phần xây lắp & tư vấn công nghệ 246

+ Số tài khoản: 03101013831997 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Đống Đa, Hà Nội

Biên bản được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản./.



Nguyễn Hữu Hùng



Nguyễn Thanh Tùng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO THIẾT BỊ
(Lần 1 theo Hợp đồng kinh tế số: 218/2023/HĐKT/HUUHUNGPAPER-
246CTC ký ngày 21 tháng 8 năm 2023)

Công trình : Hệ thống xử lý nước thải.
Hạng mục : Tư vấn thiết kế, cung cấp lắp đặt thiết bị và chuyển giao công nghệ hệ thống xử lý nước thải.
Địa điểm : Nhà máy sản xuất Bao bì Carton – Thôn Thượng Đổ, xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

1. Thành phần tham gia:

a/ Bên mời thầu (Bên A): Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hữu Hùng

Ông : Nguyễn Hữu Hùng Chức vụ:Giám đốc....

Ông : Chức vụ:

b/ Nhà thầu thi công (Bên B): Công ty cổ phần xây lắp & tư vấn công nghệ 246

Ông : Nguyễn Thanh Tùng Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông : Đỗ Quốc Trịnh Chức vụ: Phụ trách

2. Thời gian nghiệm thu, bàn giao:

Bắt đầu: h ngày tháng năm 2023.

Kết thúc: h ngày tháng năm 2023.

3. Nội dung:

Tiến hành bàn giao thiết bị lần 1 và đặt bồn xử lý chính tại công trường theo hợp đồng kinh tế số: 218/2023/HĐKT/HUUHUNGPAPER-246CTC ký ngày 21 tháng 8 năm 2023 (Về việc: Tư vấn thiết kế, xây dựng và cung cấp và lắp đặt thiết bị công nghệ hệ thống xử lý nước thải) như sau:

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Bể thu gom			
1.1	Song chắn rác	Cái	01	Mới 100, 246CTC gia công
1.2	Óng xi phong tách mỡ IPVC	Cái	01	Mới 100, 246CTC gia công
2	Bể điều hòa			
2.1	Bơm chìm nước thải: Model: SH180 Lưu lượng max: 8m ³ /h Cột áp max: 7m Công suất: 0.18kw-3 pha-380v-50Hz Xuất xứ: Showfou - Đài Loan	Cái	02	Mới 100%
2.2	Hệ thống đĩa phân phối khí	Cái	02	Mới 100%

	- Loại: Diffusur dạng đĩa, loại bọt thô và phụ kiện - Vật liệu: PVC			
3	Bể anoxic	Cái	01	
3.1	Hệ thống đảo trộn bùn - Loại: Diffusur dạng đĩa, loại bọt thô và phụ kiện - Vật liệu: PVC	Cái	01	Lắp đặt sẵn trong bồn
4	Bể hiếu khí			
4.1	Máy thổi khí: Model: Gb-1100S Lưu lượng: 210m ³ /h Cột áp: 2.5m Công suất: 1.1kw-3 pha-380v-50Hz Xuất xứ: Showfou – Đài Loan	Cái	02	Mới 100%
5.2	Hệ thống đĩa phân phối khí - Loại: Diffusur dạng đĩa, loại bọt tinh - Vật liệu: EPDM - Đường kính: 260 mm - Xuất xứ: Mỹ	Cái	06	Mới 100%
5	Bể lắng			
5.1	Bơm tuần hoàn bùn đặt chìm: Model: SH180 Lưu lượng max: 8m ³ /h Cột áp max: 7m Công suất: 0.18kw-3 pha-380v-50Hz Xuất xứ: Showfou – Đài Loan	Cái	02	Mới 100%
5.2	Ống lắng	Cái	01	Mới 100%
6	Bể khử trùng			
6.1	Hộp khử trùng			
7	Hệ thống điện động lực & đường ống công nghệ			
7.1	Tủ điều khiển và hệ thống điện: - Vỏ tủ: Sơn tĩnh điện - Tuyến cáp truyền tải điện - Ống nhựa bảo vệ cáp điện	Bộ	01	Đồng bộ
7.2	Hệ thống đường ống công nghệ: - Đường ống dẫn nước: uPVC - Đường ống dẫn bùn: uPVC - Đường ống dẫn khí: phần nổi thép mạ kẽm hoặc PPR, phần ngập nước uPVC - Đường ống dẫn hóa chất: uPVC - Phụ kiện: van, co, tê... phù hợp với chuẩn loại ống	Hệ	01	Đồng bộ
8	Hóa chất vận hành (Men vi sinh, bùn hoạt tính, mật rỉ đường, clo viên nén)	Hệ	01	Đồng bộ

3. Đánh giá về chất lượng vật tư, thiết bị:

Đảm bảo yêu cầu của Hợp đồng.

4. Các ý kiến khác:

.....
.....

5. Kết luận:

Bên xử lý chính hoàn thành đặt tại địa điểm công trường, Bên A đồng ý nhận bàn giao cho phép Bên B tiếp tục kế hoạch lắp đặt hoàn thiện tiếp theo cho hệ thống xử lý nước thải tại công trường./.

Đại diện các bên tham gia:

ĐẠI DIỆN BÊN A



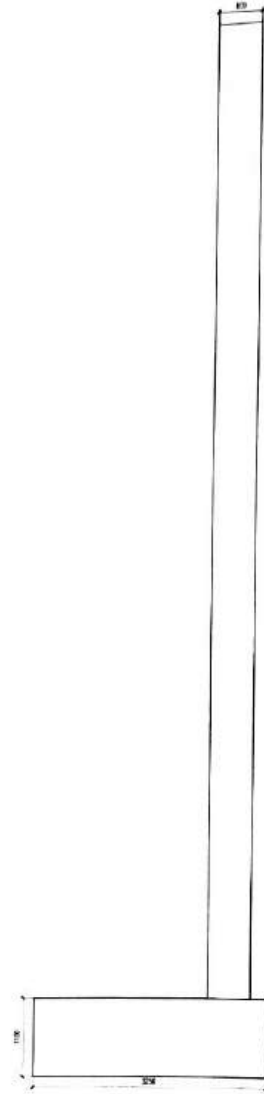
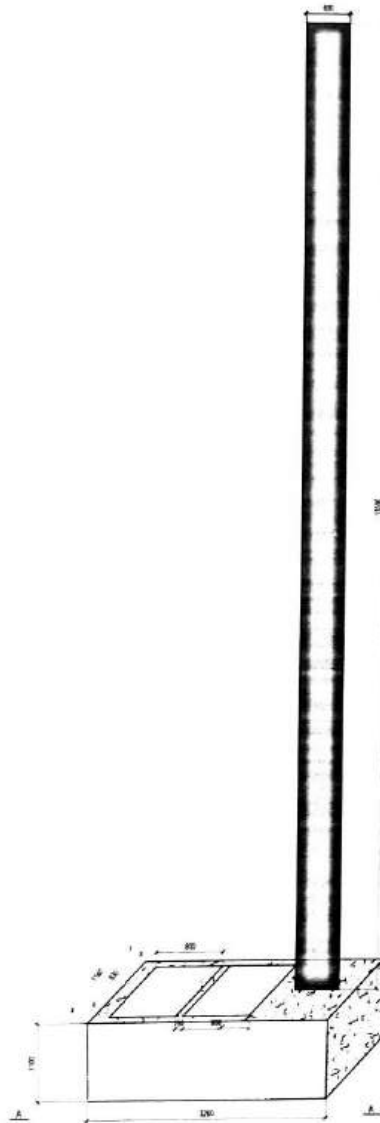
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HỮU HÙNG

ĐẠI DIỆN BÊN B

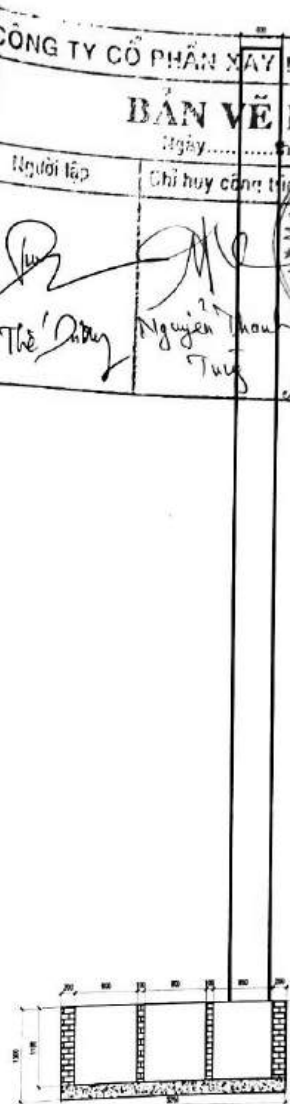


TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thanh Bình

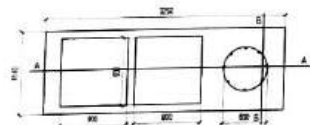




MAT DUNG HE THONG



MAT CATA - A



MAT BANG HE THONG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy công trình	Nhà thầu thi công	Chủ đầu tư
<i>Mai Thế Dương</i>	<i>Nguyễn Thành Tùng</i>	<i>Nguyễn Thành Tùng</i>	<i>Nguyễn Hữu Hùng</i>

TỔNG GIÁM ĐỐC: *Nguyễn Thành Tùng* GIÁM ĐỐC: *Nguyễn Hữu Hùng*

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HỮU HÙNG

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM

THÔN THƯỢNG ĐỒ, XÃ THƯƠNG VŨ
 HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246

ĐC: SỐ 3 NGÕ 2, XOM MŨI, THÔN MỸ HẠ, XÃ THANH MẠI, HUYỆN THANH ĐÀ, HN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Tùng

NGUYỄN THÀNH TÙNG

CHỦ NHIỆM ĐỒ AN	<i>Nguyễn Thành Tùng</i>
KS NGUYỄN THÀNH TÙNG	<i>Nguyễn Thành Tùng</i>
THIẾT KẾ	<i>Mai Thế Dương</i>
THS MAI THẾ DƯƠNG	<i>Mai Thế Dương</i>
VẼ	<i>Mai Thế Dương</i>
THS MAI THẾ DƯƠNG	<i>Mai Thế Dương</i>
QL KT	<i>Nguyễn Thành Tùng</i>
KS NGUYỄN THÀNH TÙNG	<i>Nguyễn Thành Tùng</i>

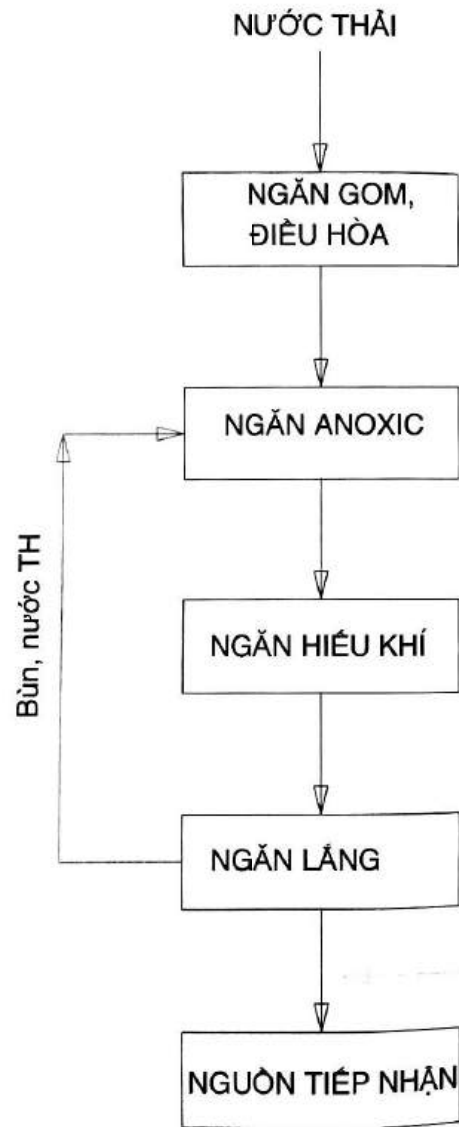
TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ

HỒ SƠ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ

TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU BẢN VẼ
A3	09/2022	KT.01

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ XLNT SINH HOẠT CS 10 M3/NGĐ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy công trình	Nhà thầu thi công	Chủ đầu tư
Hiếu Nguyễn Trung Hiếu	Mai Thị Duyên		

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Khanh Lương

CẤP KHÍ

HC KHỬ TRÙNG

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH HÙNG HẠNG

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

XÃ NGỌC LIÊN, HUYỆN CẨM GIANG,
TỈNH HẢI DƯƠNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246

ĐC: 303 NGÕ 5 SÔ PHỐ THẠCH HÀ XÃ THẠCH HÀ HUYỆN THẠCH HÀ TỈNH HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THANH TÙNG

THIẾT KẾ:
THS. MAI THỊ DƯƠNG

VẼ:
THS. MAI THỊ DƯƠNG

QLKT:
KS. NGUYỄN THANH TÙNG

TÊN BẢN VẼ:

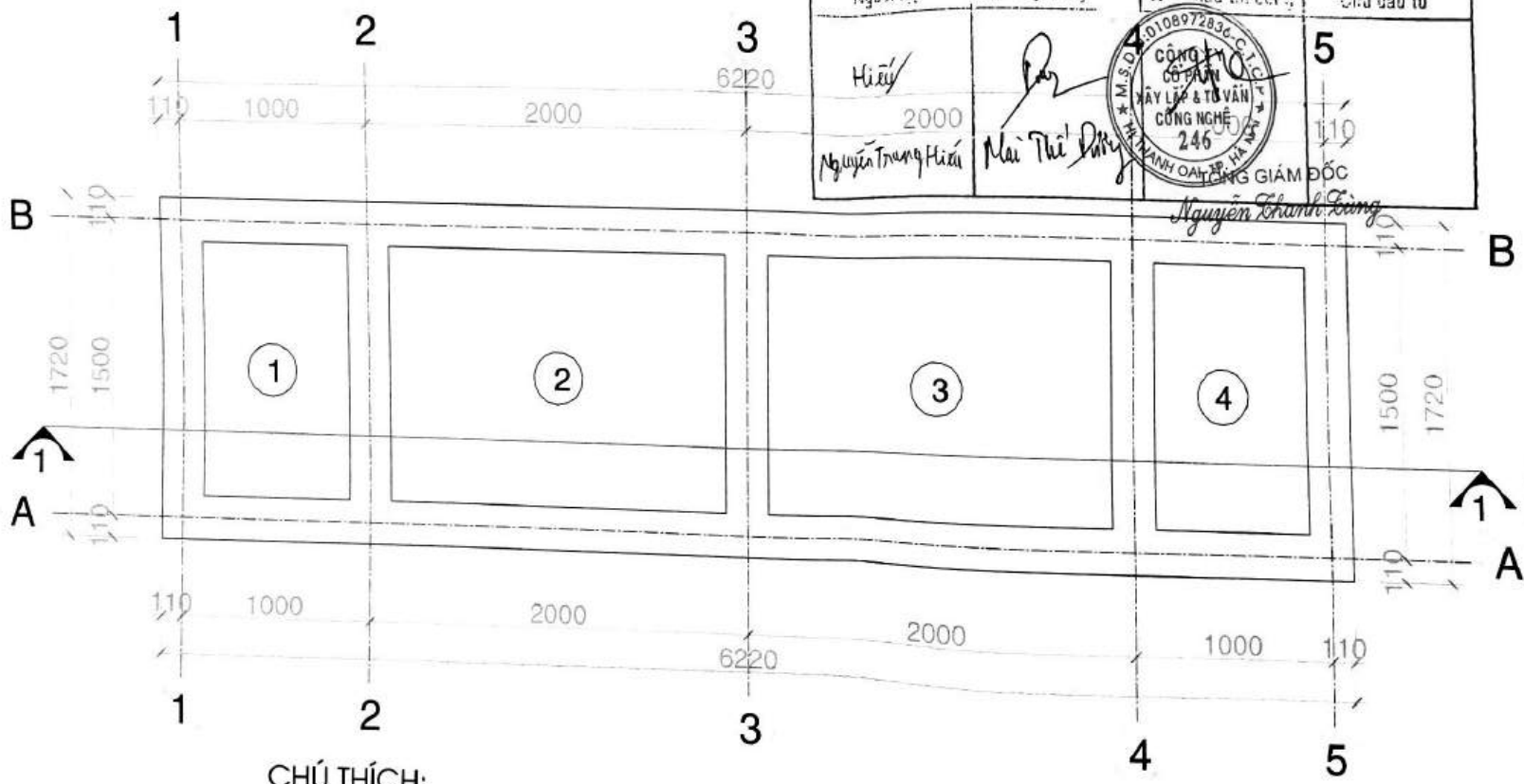
SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ

HỒ SƠ: THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ

TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU BẢN VẼ
A3	08/2023	CN.01

MẶT BẰNG BỂ XLNT SINH HOẠT CS 10M3/NGĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN		XÂY LẬP & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày:		Số:	
Người lập	Chỉ quy công	Nội dung thi công	Chủ đầu tư
Hiếu	Mai Thị Dũng	5	
2000			
Nguyễn Trung Hiếu		Nguyễn Thành Dũng	

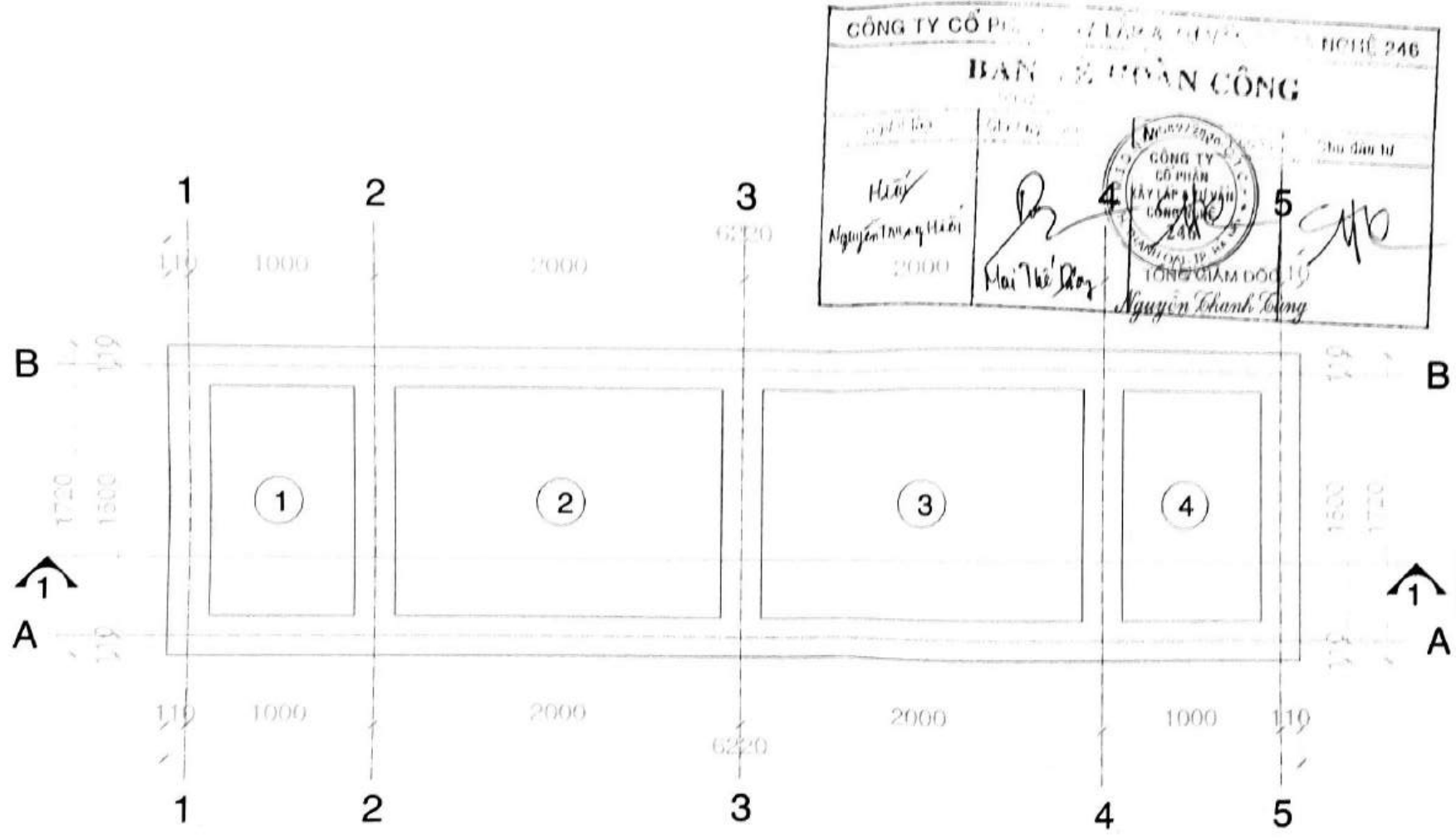


CHÚ THÍCH:

- ① NGĂN ĐIỀU HÒA
- ② NGĂN THIẾU KHÍ
- ③ NGĂN HIẾU KHÍ
- ④ NGĂN LẮNG

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY TNHH HÙNG HANG		
CÔNG TRÌNH:		
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
HẠNG MỤC:		
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
ĐỊA ĐIỂM:		
XÃ NGỌC LIÊN, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:		
		
CÔNG TY CỔ PHẦN X & Y & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246		
		
CHỦ YẾU:		
THS. MAI THỊ DƯƠNG		
THIẾT KẾ:		
KS. NGUYỄN TRUNG HIẾU		
<p style="text-align: center;">MẶT BẰNG BỂ XLNT SH</p>		
HỒ SƠ: THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ		
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU BẢN VẼ
A3	04/2023	CN.03

MẶT BẰNG BỂ XLNT SINH HOẠT CS 10M3/NGĐ



CHÚ THÍCH:

- ① NGĂN ĐIỀU HÒA
- ② NGĂN THIẾU KHÍ
- ③ NGĂN HIẾU KHÍ
- ④ NGĂN LẮNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246

BẢN KẾ HOẠCH CÔNG TRÌNH

Số đơn tư: _____

Ngày lập: _____

Ngày duyệt: _____

Họ và tên: Nguyễn Thanh Bình

Chức vụ: TỐI GIÁM ĐỐC (T)

Họ và tên: Mai Thế Dory

Chức vụ: _____

Họ và tên: _____

Chức vụ: _____

Số hồ		
Lưu	tranh	chi-tranh
1		
2		
3		

CÔNG TY TNHH HÙNG HANG

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

THANG MỐC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

THẠCH KIỆM

XA HƯNG LẬP, TRUYỀN GẮM HANG, THẠCH KIỆM (PHẦN 1)

THIẾT KẾ THIẾT KẾ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246

Số đơn tư: _____

Ngày lập: _____

Ngày duyệt: _____

Họ và tên: Nguyễn Thanh Bình

Chức vụ: TỐI GIÁM ĐỐC (T)

Họ và tên: Mai Thế Dory

Chức vụ: _____

Họ và tên: _____

Chức vụ: _____

MẶT BẰNG NẮP BỂ

HỒ SƠ THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH		
TÝ LỆ	NGƯỜI THAM MƯA	SỐ HỒ SƠ BẢN VẼ
A2	04/03/2023	CN.03

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ BỂ XLNT SINH HOẠT CS 10 M3/NGƯỜI

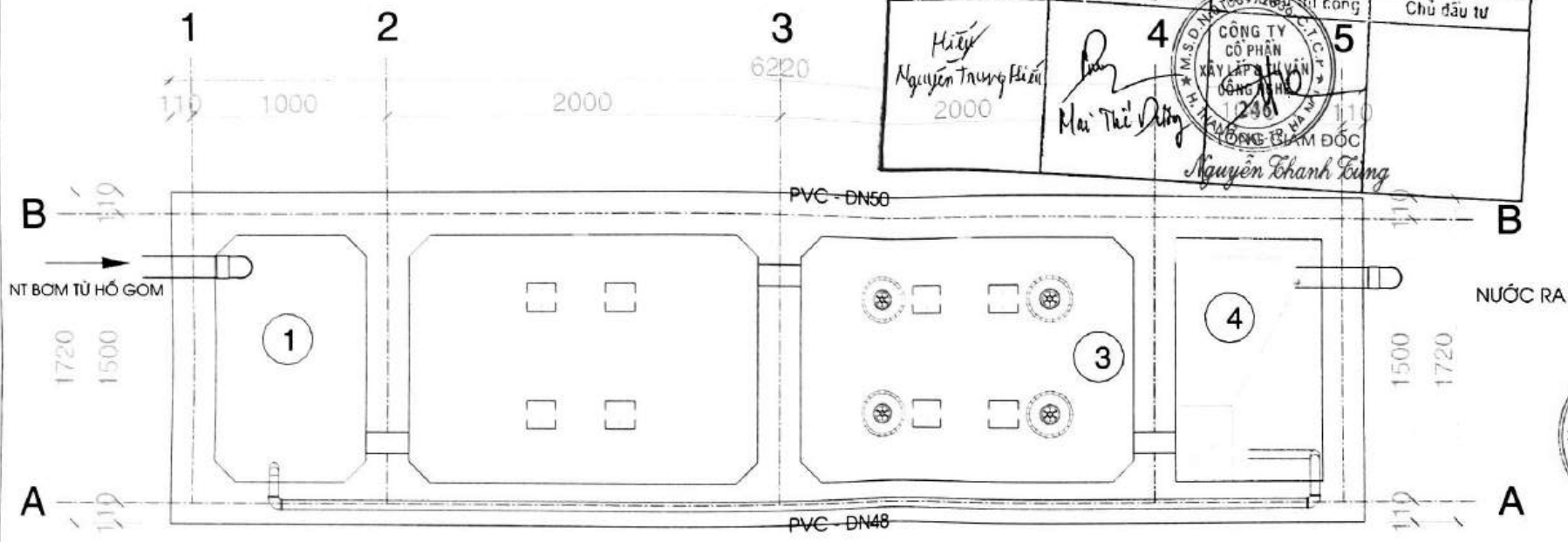
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy công trình	Người công	Chủ đầu tư
Hải Nguyễn Trung Hiếu 2000	Mai Thị Dũng	Nguyễn Thanh Long	

0897280246
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246
HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG



CHÚ THÍCH:

- ① NGĂN ĐIỀU HÒA
- ② NGĂN THIẾU KHÍ
- ③ NGĂN HIỂU KHÍ
- ④ NGĂN LẮNG
- ⑤ TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY TNHH HÙNG HANG		
CÔNG TRÌNH:		
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
HẠNG MỤC:		
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
ĐỊA ĐIỂM:		
XÁ NGỌC LIÊN, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:		
		
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246		
		
CHỨC VỤ: Nguyễn Thanh Long THIẾT KẾ: Hải KS. NGUYỄN TRUNG HIẾU		
TÊN BẢN VẼ:		
MẶT BẰNG THIẾT BỊ		
HỒ SƠ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ		
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU BẢN VẼ
A3	09/2023	CN.04

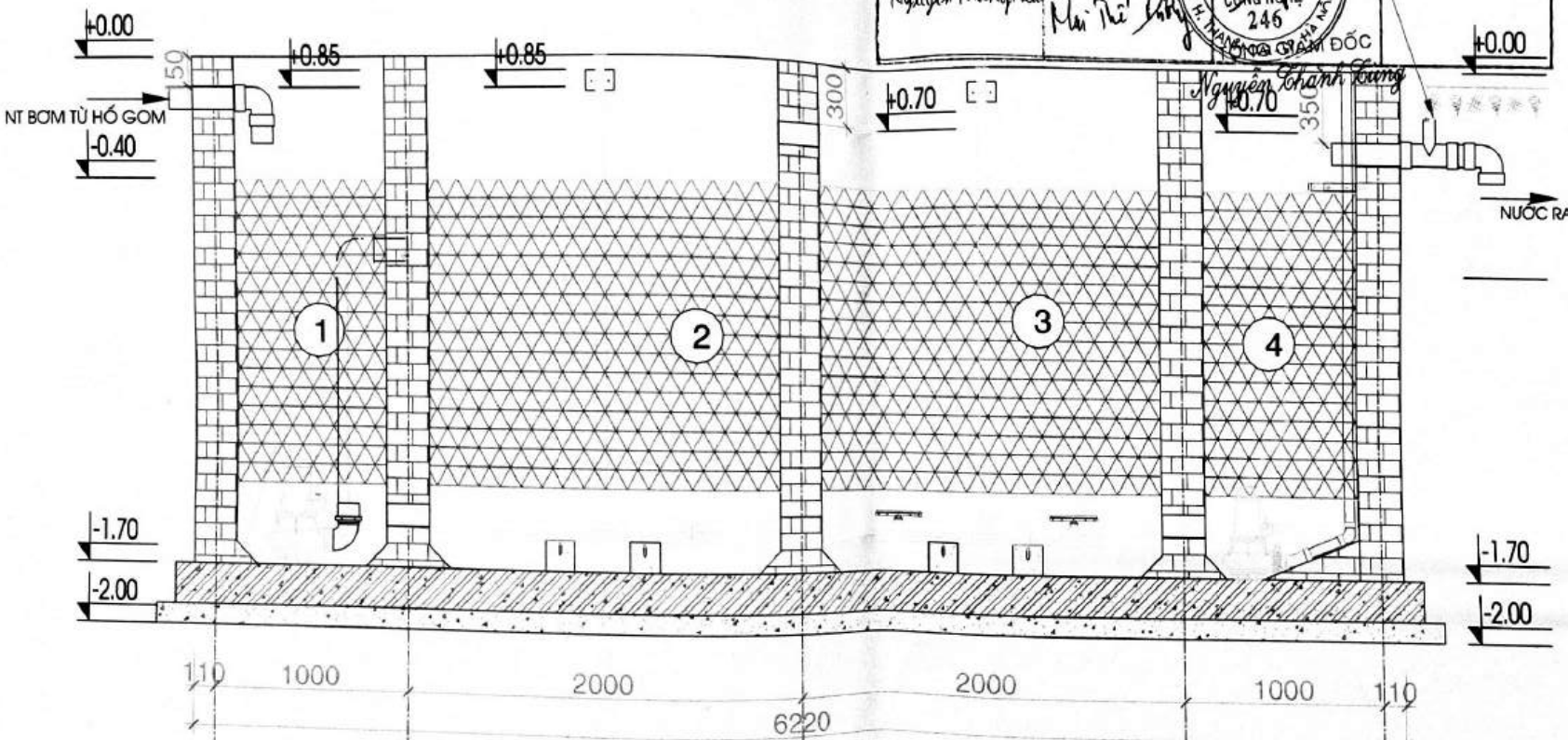
MẶT CẮT 1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ 246

BẢN VẼ CÔNG TRÌNH

Người lập: *Hiếu* (Nguyễn Trung Hiếu)
 Kiểm tra: *Mai Tài* (Mai Tài)
 Thiết kế: *Nguyễn Thành Lương* (Nguyễn Thành Lương)

VIỆN NGHIÊN CỨU TRUNG PVC - D42
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ 246



1 CHÚ THÍCH:

- ① NGĂN ĐIỀU HÒA
- ② NGĂN THIẾU KHÍ
- ③ NGĂN HIẾU KHÍ
- ④ NGĂN LẮNG

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY TNHH HÙNG HẠNG		
CÔNG TRÌNH:		
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
HẠNG MỤC:		
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
ĐỊA ĐIỂM:		
KXã NGỌC LIÊN, HUYỆN CẨM GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:		
		
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246		
		
CHỦ NHIỆM: <i>Nguyễn Thành Lương</i>		
THIẾT KẾ: <i>Hiếu</i>		
KS. NGUYỄN TRUNG HIẾU		
TÊN BẢN VẼ:		
MẶT CẮT 1-1		
HỒ SƠ: THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ		
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	BỐ HIỆU BẢN VẼ
A3	09/2023	CN.05

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06308/2024/PKQ (24.2638)

Tên khách hàng : Công ty CP Xây lắp & Tư vấn Công nghệ 246
Địa chỉ : Số 3, ngõ 2, xóm Mới, thôn My Hạ, xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Sản xuất & thương mại Hữu Hùng, Thôn Thượng Đổ, Xã Thượng Vũ, Huyện Kim Thành, Hải Dương
Loại mẫu : Nước thải
Mã mẫu : NT.241108.006
Ngày lấy mẫu : 08/11/2024
Ngày thử nghiệm : 08/11/2024

Ngày hoàn thành: 27/11/2024

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	
				NT	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,4	5 ÷ 9
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	10	50
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	10	100
4	TDS	mg/L	NEJSC/HT/SOP-DN02	215	1.000
5	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-S ² .B&D:2017	<0,05	4
6	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,35	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	3,09	50
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ P)	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03	10
9	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2,47	20
10	Chất HDBM	mg/L	TCVN 6622-1:2009	2,21	10
11	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1.700	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Mẫu nước thải sinh hoạt sau xử lý. Tọa độ: X=2320939.1, Y=596251.4.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

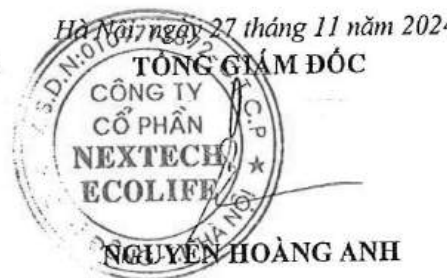
Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN KỶ ANH

LÂM THỊ THANH



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.

- (-): Không quy định.
- KHP: Không phát hiện.
- KPT: Không phân tích.
- (#): Chỉ tiêu tham khảo.



NEXTECH ECOLIFE
SINCE 2007

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG – VIMCERTS 301

Đ/C: Liên kề 17-16, Khu Đô thị mới Văn Khê, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06309/2024/PKQ (24.2638)

Tên khách hàng : Công ty CP Xây lắp & Tư vấn Công nghệ 246
Địa chỉ : Số 3, ngõ 2, xóm Mới, thôn My Hạ, xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Sản xuất & thương mại Hữu Hùng, Thôn Thượng Đỗ, Xã Thượng Vũ, Huyện Kim Thành, Hải Dương
Loại mẫu : Khí thải
Mã mẫu : KT.241108.001
Ngày lấy mẫu : 08/11/2024
Ngày thử nghiệm : 08/11/2024 Ngày hoàn thành: 27/11/2024

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT	Cột B
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 02	9.273	-
2	Bụi tổng (PM)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	66,5	200
3	SO ₂	mg/Nm ³	NEJSC/HT/SOP-LMKT105	0	500
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	NEJSC/HT/SOP-LMKT105	3,73	850
5	CO	mg/Nm ³	NEJSC/HT/SOP-LMKT105	938	1.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT: Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi. Tọa độ: X=2320978.9, Y=596136.8.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

• Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

• Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2024

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN KỶ ANH

LÂM THỊ THANH



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.

- (-): Không quy định.
- KHP: Không phát hiện.
- KPT: Không phân tích.
- (#): Chỉ tiêu tham khảo.